Năm thứ hai — Số 64
Tuần-lễ từ thứ tư 16 đến
thứ ba 22 Septembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Một vài câu danh-ngôn của đức Trần Hưng-Đạo — *Ưng-Hòe Nguyễn Văn-Tố*
Thắng hẳn mình, rồi tự-nhiên thắng người — *Dương đức-Hiền*
Cung đề Trần hưng-Đạo thánh miếu — *Tùng vân Nguyễn đôn-Phục*
Nhắc nhở đến danh-nhân Việt-nam xưa — *Đào anh-Tự*
Sông Bạch-đằng (bài dân) — *Lưu hữu-Phước — Mai văn-Bộ — Nguyễn thành-Nguyên*
Vài nơi danh-thắng có quan-hệ với Trần-sử (du-ký) — *Nguyễn Đan-Tâm*
Hưng-Đạo đại vương (kịch bằng thơ) — *Trần văn-Bích*
Tiết-tháo các ông thầy và tình thầy trò hồi trước (II) — *Tiên Đàm*
Cách xếp đặt chữ nho trong tự-điển III — *Đào trọng-Đủ*
Trúc mai sum-họp (XIII) — *Chu-Thiên*

0$20

Một vài câu danh ngôn của ĐỨC TRẦN HƯNG-ĐẠO

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CHÉP lời đức Trần Hưng-Đạo, tất phải chép cả truyện ngài. Nhân sắp có hội đền Kiếp-bạc, tôi lấy sách nho ra sao lại, trước là để kỷ-niệm một bậc vĩ-nhân đã có công lớn với nước nhà, sau là để bổ-chính một quyển sách quốc-văn xuất-bản hồi tháng bảy tây vừa rồi.

Đức Trần Hưng-Đạo tên hủy là Trần-quốc-Tuấn. Hưng-Đạo vương là tên sắc phong của ngài.

Ngài là con người anh vua Trần Thái-tôn (1225-1258), là An-sinh-vương Trần-Liễu sinh ngày mồng mười tháng chạp năm mậu tý hiệu Kiến-trung thứ tư, 1228, đời vua Trần Thái-tôn (1), mất ngày hai-mươi tháng tám năm Hưng-long thứ tám 1300, đời vua Trần Anh tôn (2).

Sách Ngự chế Việt-sử tổng-vịnh *quyển 3, tờ 12b chép « ngài dung-mạo hùng vĩ, thông-minh hơn người, xem rộng học nhiều, có tài văn võ ».*

Năm Thiệu-bảo thứ tư, tức là năm 1282, nhà Nguyên bên Tàu sai thừa tướng là Toa Đô, thái-tử là Thoát Hoan, bình-chương là A-Thích, và lũ A-Lý, Hải-Nha, chia đường vào cướp nước ta. Lúc bấy giờ, Trần Thánh-tôn là thái-thượng-hoàng, giả cách hỏi Trần quốc-Tuấn rằng : « Thế giặc như thế, ta có lẽ phải hàng. » Quốc-Tuấn thưa rằng : « Trước chém đầu tôi, rồi sau hãy hàng ! » (Tiền trảm thần thủ, nhiên hậu hàng).

Năm 1283, vua sai Quốc-Tuấn làm tiết-chế các quân thủy bộ, họp quân của các tướng vương hầu ở Vạn-kiếp để chống-cự. Toa Đô thua, Thoát-Hoan và dư-đảng chạy ; quân ta đánh úp giết được tướng Nguyên là Lý Thường.

Năm Trùng-hưng thứ ba, tức là năm 1287, nhà Nguyên lại đem quân Mông-cổ sang ăn cướp (3). Vua Trần Nhân-tôn với đức Trần Hưng-Đạo hỏi mưu-kế. Ngài thưa rằng : « Năm nay thế giặc dễ đánh được » (4) Ngài chia quân giữ các cửa ải ; trước sai đóng cọc ở sông Bạch-đằng (5), lấp cỏ ở trên ; nhân khi nước triều lên, khiêu chiến ; giặc đuổi theo thì nước triều xuống, thuyền mắc cọc ; quân Nguyên thua to, quân ta bắt được lũ Ô-mã-nhi và Tích-lệ Cơ-ngọc.

Vì Hưng-Đạo vương có công lớn, được gia phong đại-vương thượng-quốc-công. Tiếng đồn sang Tàu, người Tàu mỗi khi nhắc đến, thường gọi « Hưng-đạo vương », không gọi đến tên (6)

Một hôm, vua Trần Nhân-tôn nói với đại vương rằng : « Nước nhà hai lần sắp nguy mà lại được yên, ấy là sức của Quốc công đấy » Đại-vương thưa rằng ; « Chân ngựa (đá ở Chiêu-lăng) còn dính bùn, là linh-thiêng của đức Tiên đế ; các tướng cùng lòng là phúc của nước nhà : tôi có sức gì đâu «thần hà lực yên ?» (7).

Vua Trần Thánh-tôn làm bài văn bia ở sinh-từ ngài, tôn ngài ngang hàng thượng-phụ như cha, lại cho chuyên quyền phong tước từ hạng chữ « minh » trở xuống, duy tước hầu trước cho sau tâu : thế mà ngài chưa từng cho tước một người nào. Khi giặc vào ăn cướp, ngài sai những nhà giàu xuất gạo để cấp cho quân ngài cũng chỉ cho tước lang-tướng giả, như tước hàm bây giờ, không cho tước lang-tướng thật. Cái tiết-tháo giữ phận làm tôi của ngài cẩn-thận như thế.

Trước kia vua Trần Thái-tôn cướp Lý công chúa là vợ cha ngài, hai bên sinh ra hiềm-khích. Cha ngài trong lòng căm-giận, khi sắp mất, dặn ngài rằng : «Con không vì cha mà lấy thiên-hạ, thì cha chết không nhắm mắt ! ». Ngài không lấy lời cha dặn thế là phải. Kịp khi thiên-hạ loạn-lạc, quyền quân-quốc hết thảy về ngài. Có một hôm ngài đem lời cha giả-cách hỏi các con. Con thứ là Quốc-Tảng thưa rằng : « Tống Thái-tổ là một ông làm ruộng, thừa cơ dấy vận, mà có thiên-hạ». Ngài tuốt gươm toan chém, kể tội rằng : «Loạn thần hết thảy ở con nhà bất hiếu ! ».

Khi ngài hỗ giá, tay ngài thường chống gậy có bịt sắt nhọn. Ngài vốn là người có kỳ tài, lại nhân chuyện cha ngài có hiềm khích với nhà vua, nên chúng đều nghiêng mắt để ý. Ngài bèn bỏ đầu sắt nhọn, chỉ chống gậy không mà đi. Phàm gặp việc gì khó-khăn, ngài đều xử chỉ một cách minh bạch như thế.

Ngài là tôn-thất chi thân, có mưu-lược hùng-vũ, thường lập được công lớn, lại hay vì nước tiến người hiền, như Dã-Tượng, Yết-Kiêu là gia-thần của ngài mà được dự công đánh giặc Nguyên ; Phạm-ngũ Lão, Trần-thì-Hiện, Trương-hán-Siêu, Phạm-Lãm, Trịnh-Dũ, Ngô-Sĩ, Nguyễn-thế-Trực, đều là môn-khách (8) của ngài, và đều có tài tăn-thương chính sự hơn đời bấy giờ.

Lúc bình-cư, ngài làm bài hịch khuyên răn các tướng-hiệu thuộc quyền ngài, có dẫn việc Kỷ-Tín chết thay cho Hán Cao, Do-Vu chịu mũi nhọn thay cho Sở-tử. Ngài lại soạn sách Binh-gia diệu lý yếu-lược *(thường gọi tắt là* Binh-gia yếu-lược*, nay không còn, để dạy các tỳ-tướng, sưu-tập binh-pháp các nhà, làm những bức vẽ « bát quái », « cửu-cung », đề tên là* Vạn-kiếp tông bí-truyền thư *(hoặc* Vạn-kiếp binh thư, Trần-khánh-Dư *đề tựa, nay cũng không còn) (9).*

Tháng sáu năm Hưng-long thứ tám, tức là năm 1300, Đại-vương bị bệnh, vua Trần-Anh-Tôn ngự tới nhà, hỏi : « Nếu nói không kiêng, nghĩa là nếu Đại-vương mất, giặc Tàu lại sang thì làm thế nào ? » Đại-vương thưa rằng ; « Xưa Triệu-vũ-Đế Triệu-Đà, 206 137 trước kỷ-nguyên, dựng nước, vua nhà Hán đem quân tới đánh : ngoài đồng vắng kẻ tiều-dân. Triệu-Đà lấy hết cả dân trong nước làm một đại-quân, đại-quân vượt qua châu Khâm châu Liêm đánh Tràng-sa, đoản binh đánh tập hậu (10) : bấy giờ thời-thế khác. Trong đời Đinh Lê, kén người hiền lương, đất Nam mới mạnh, phương Bắc nhọc mệt, trên dưới cùng một bụng, dân không ngã lòng, đắp thành Bình-lỗ để phá quân Tống : bấy giờ thời thế lại khác. Khi vua Lý mở nền người Tống xâm lấn cõi đất, nhà Lý dùng Lý thường-Kiệt đi đánh, châu Khâm châu Liêm, dần dần đến tận Mai-lĩnh : thời thế bấy giờ lại khác. Gần đây Toa-đô và Ô mã-Nhi, bốn mặt vây đánh bên ta vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, nước nhà góp sức, kẻ kia tự đến cho ta bắt ; giời cho ta được như thế. Đại khái kẻ kia cậy trường trận, ta cậy đoản binh, lấy đoản binh chống trường trận, là sự thường trong binh pháp. Nếu thấy quân kẻ kia lướt đến như lửa như gió, thì thế dễ đánh được. Nếu kẻ kia dùng lối tằm ăn thong thả, không lấy của dân, không cầu mau được, thì mình phải chọn người lương tướng, biết xem quyền biến, như thế cờ vây, tùy thời chế nghi, thu được binh phụ tử, mới có thể dùng được ; vả lại phải nới sức dân để làm kế bền chặt gốc rễ, ấy là thượng sách giữ nước » (11).

Ngày 20 tháng 8 năm Hưng-long thứ tám (1300), đại-vương mất tại nhà riêng ở Vạn-kiếp, thọ hơn 70 tuổi. Xa gần kêu khóc như tang cha mẹ, tin buồn tâu vua nghe ; vua đang ngồi ở nhà tuyên thất, khóc to lên rằng : « Thượng-phụ là nước nhà của ta, mặc áo gấp, cầm mũi nhọn, quyét sạch bụi Hồ, lấy lại thần kinh, vỗ yên muôn họ ; nay bỏ trẫm mà đi, tìm đâu cho lại được người lo dân yêu nước như thượng phụ ? » Triều thần không ai là không rỏ nước mắt. Vua và các quan vì thương đại-vương nên nghỉ chầu 10 ngày. Nhân-tôn thượng-hoàng và vua Anh-tôn truyền chỉ trăm quan đều mặc áo hiếu, tức là áo để chở cha mẹ. Vua đi xe mộc, ngựa trắng, thân đến tọa nơi trông nom việc tang, đem đồ đồng liệm táng ở vườn An-lạc, nay là phần rừng ấp An-sinh, huyện Đông-triều, tỉnh Hải-dương. Trước kia vua Thánh-tôn đã làm bài văn bia ở sinh-từ đại-vương, trong văn có ví đại-vương như Thái-công Thượng-phụ nhà Chu. Đến đây vua Anh-tôn làm văn bia, sắc phong là « Thái-sư Thượng-phụ Thượng-quốc-công bình Bắc đại-nguyên-soái long-công thinh-đức vĩ-liệt hồng, huân nhân vũ Hưng-đạo đại-vương », sai lập miếu ở Thiên-trường và Vạn-kiếp (12) để nghìn năm cúng tế (13).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Quyển *Trần-gia diễn-tích*, sách Bác-cổ số A 314, tờ 58 b, chép Hưng-Đạo sinh ngày 10 tháng 12 năm nhâm-ý hiệu Nguyên-phong đời Trần Thái-tôn 1252. Đến tờ 81 a, lại chép ngày 20 tháng 8 năm canh tý Hưng long thứ 8 đời Trần anh-tôn 1300 đại vương mất tại nhà riêng ở Vạn kiếp, lúc bấy giờ tuổi

hơn 70: «thời niên thất thập dư». Cứ tính từ năm Nguyên phong thứ hai 1252 đến năm Hưng long thứ tám 1300 thì đại vương mới có 48 tuổi, chưa được 70. Ở trường Bác cổ có quyển *Trần-triều hiển-thánh chính-kinh tập-biên*, số A 2382, cũng chép đại vương sinh năm Nguyên phong nhâm-tý, nhưng có người chữa lại là năm Kiến-trung mậu tý 1228, mà chỗ chép hơn 70 tuổi thì chữa là 73 tuổi, có lẽ đúng hơn, vì bộ *Khâm-định Việt-sử*, quyển 6, tờ 40b, chép năm Nguyên phong thứ bảy 1257, tháng chín, chủ trại Qui-hóa là Hà-Khuất sai trạm về tâu rằng quân Mông-cổ lại xâm-chiếm, vua sai Quốc-Tuấn đem các tướng tả-hữu mang quân đi chống-cự. Cứ như thế, nếu nói đại-vương sinh năm Nguyên-phong thứ hai thì đến năm Nguyên-phong thứ bảy đại-vương mới lên năm, mà vua đã sai đem quân đi đánh giặc! Vậy nên theo vào năm mậu-tý Kiến-trung thứ tư, tức là năm 1228: như thế thì năm đại-vương đi đánh giặc là năm 29 hay 30 tuổi.

2) Chép trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 8, tờ 31 a.

3) Chép trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 8, tờ 2 a. *Việt-sử tổng-vịnh*, quyển 3, tờ 13 a, chép là năm Trùng hưng thứ hai.

4) Nguyên-văn chữ Hán là « kim niên tặc nhân ». *Khâm-định Việt-sử*, quyển 8, tờ 2 b, chua chữ « nhân » là: « cựu-sử chú do ngôn dị giã », sử cũ chua nghĩa chữ nhân cũng như nghĩa chữ dị là dễ.

5,) Sông Bạch-đằng « phát nguyên từ sông Lục-đầu ở Bắc-ninh, phân lưu vào Hải-dương, một chi từ Mỹ-giang, một chi từ núi Châu-cốc, hai ngọn nhập một, chảy vào xã Đoan-lễ sông Bạch-đằng, phía nam giáp huyện Thủy đường, tỉnh Hải-dương, phía bắc giáp huyện Yên-hưng, tỉnh Quảng-yên; từ phía nam đi 291 dặm đến cửa Nam-triệu. Sách Địa lý chí của ông Nguyễn-Trãi chép rằng: « Sông Bạch-đằng biệt-hiệu là sông Vân-cừ, rộng hơn hai dặm, các núi cao lởm chởm, các ngọn sóng chảy qua đấy, sóng gió ngất giời, cây cối rậm-rạp, thật là chỗ hiểu yếu của đường bể. Tiền Ngô vương Quyền đánh được Hoàng Tháo; Trần Hưng-Đạo vương đánh được quân nhà Nguyên đều ở đấy». *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 19 b-20a.

6) Chép trong *Việt-sử tổng-vịnh*, quyển 3, tờ 12 b-13b

7) Chép trong *Trần-thánh chính-kinh tập-biên*, tờ 102 b.

8) Môn khách, là những người mà đức Trần Hưng-Đạo nuôi ở trong nhà, coi như khách; khi nhà nước có việc thì đại-vương tiến để nhà vua dùng.

9) Chép trong *Việt sử tổng vịnh*, quyển 3, tờ 13b-15a.

10.) Đoản-binh là dao với đĩnh, trường-binh là cung với tên *Hưng nô truyện*, dẫn trong *Từ-nguyên*.

11) Chép trong *Khâm-định Việt sử* quyển 8, tờ 31b, và *Trần-triều hiển thánh chính kinh tập biên*, tờ 103a.

12) Thiên-trường là phủ Xuân-trường bây giờ; Vạn kiếp nay thuộc về hai xã Dược-sơn và Vạn-an, huyện Chí linh (*Trần thánh chính kinh*, tờ 104a-b.)

13) Chép trong *Trần-thánh chính kinh*, tờ 104 a-b.

Các bạn thiếu-niên vừa bước chân ra khỏi học đường đừng bỏ qua mà chẳng đọc:

« *Tiền và thương mãi* »

và

«*Chiến thuật con buôn*»

Nó là loại sách thiết-thực ASAU và cũng là bạn thân của những người có chí và có máu Annam đứng-đắn.

●

MAISON ASAU

72, Rue Chaigneau, Saigon

ĐÃ CÓ BÁN:

THƠ' HÀN MẠC TỬ'

— Những bài thơ chọn lọc của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi-giới và văn-giới Việt Nam.

— Đã có 7 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo pháp văn, 7 tờ báo quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

Sách in rất đẹp tại một nhà in lớn ở Hà-nội — Họa sĩ Phạm Tú Minh họa và trông nom về phần mỹ thuật

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

227 — P. Blanchy — Saigon

« Thắng hẳn mình, rồi tự-nhiên thắng người »

Riêng dân-tộc Việt-Nam đã hiểu rõ lẽ đó

TRƯỚC CUỘC XÂM-LĂNG ÁC-LIỆT CỦA NGƯỜI MÔNG-CỔ

DƯƠNG-ĐỨC-HIỀN

THÀNH-CÁT TƯ-HÃN (Gengis Khan), A-Loa-Đài (Ogotaï), Hốt-tất-liệt (Koubila') kế tiếp nhau gây-dựng lên đế-quốc Mông-Cổ. Đế-quốc này vĩ-đại hơn đế-quốc của A-lịch-san (Alexandre) ở đời Thượng-cổ, của Nã-phá-luân Napoléon, rộng bằng nửa thế-giới, ở thế-kỷ thứ mười ba, người ta chưa biết Mỹ-châu. Cùng với những thượng-tướng dũng-cảm và đa-mưu, những quân đi ngựa và bắn cung kỳ-tài, các vị hoàng-đế đó đã chinh-phục một cách dễ dàng Trung-hoa, Cao-ly, các miền Trung Á, Ba-tư, Tiểu Á-tế-á, Cận-đông, đã đánh bại dân Hung, Nga, Ba-lan.

Dọc từ Bắc-cực tới vịnh Bengale, ngang từ Cao-ly tới sông Volga, mấy mươi dân-tộc bị đàn-áp, giày xéo. Người Mông-cổ có hai nguyên-tắc : đối-đãi có độ-lượng với dân-tộc nào chịu hàng-phục ngay, tàn-sát hết dân-tộc nào chống-cự lại họ. Dân-tộc nào cam-chịu hiến ngay giang-sơn của mình cho họ, thì nguyên-tắc hành-động thứ hai được thi-hành đến triệt-để. Ở Ba-tư, người Hồi (Musulmans) tin rằng nhân-loại sắp đến ngày bị tiêu-diệt ; họ gọi những nơi bị tàn-phá là *« những thành thảm-sầu »*. Một người Hồi nói : *« Họ tới, họ phá-phách, giết chóc, hãm hiếp, đốt nhà, cướp của... rồi họ đi »*. Họ đi như bay, vì những chặng đường của họ không tính bằng cây số, mà bằng vĩ-độ degré de latitude, kinh-độ, degré de longitude. Đâu họ cũng tới được ; sa-mạc bao-la, khô-khan, thành cao, lũy sâu, tướng tài, quân đông, sơn lam chướng-khí : không có sức gì cản nổi họ hết, không có lời kêu gọi thống-thiết nào làm cho họ động lòng thương và nới tay được.

Ở Bắc Phi, cũng như ở các nước Ý, Pháp, Anh, Đức, ai nấy đều hoảng-hốt, lo-sợ, coi người Mông-cổ như một cái thảm-họa ghê-gớm, khủng-khiếp nhất từ thượng-cổ tới thế kỷ XIII : Giáo-hoàng Innocent IV, vua Saint Louis nước Pháp đều có sai sứ giao-hảo với người Mông-cổ. Trong hết các nhà thờ, các tín-đồ đạo Gia-tô cầu nguyện, mong tránh được nạn xâm-lăng.

Người Mông-cổ thực là một dân-tộc sống bằng chiến-tranh, vì chiến-tranh là sự phát triển tối-cao của tinh-thần chiến-đấu mạnh-mẽ phi thường của nòi-giống họ. Họ sống vì chiến-tranh : chỉ có chiến-tranh mới đem đến cho họ hết mọi thứ họ muốn có, muốn được. Họ chỉ biết có một luật, luật của kẻ cầm đầu ; thế cho nên được lệnh là họ tiến, không biết nghĩa chữ » chết » là gì nữa. Họ không biết thương người. Họ lại biết tổ-chức và luyện-tập quân-đội, rất giàu mưu chước, tài đoán biết ý-định và cách dụng binh của quân địch, điều-khiển và chuyển-vận quân binh rất khéo-léo, nhanh chóng, khiến cho quân địch thường không kịp trở tay.

Ta có thể vị người Mông-cổ như một bộ máy khổng-lồ cực-kỳ tinh-xảo, vô cùng ác liệt, gặp dân tộc nào là đè bẹp. Riêng có dân-tộc Việt-Nam đã làm cho bộ máy đó bị tê-liệt, bởi một lẽ rất giản-dị là người Việt-Nam trước khi thắng người Mông-cổ đã hoàn-toàn thắng mình rồi. Những dân-tộc bị thua người Mông-cổ vì đã tự đánh bại mình ở trong rồi.

Ta thử cùng coi qua xem có phải thế không.

Trước sự xâm lược, dân Nga mạnh mà hóa yếu, vì đang sống dưới chế-độ phong-kiến, trong sự chia rẽ. Sự hỗn-loạn đã biến thành một chính sách. « Anh bảo với em rằng : cái này của tôi, cái kia cũng của tôi. Vì

những chuyện nhỏ mọn, các chúa tranh luận như những việc rất quan trọng. Tự tay họ, họ đã gây ra biết bao sự hiểm khích » Những sự tranh giành lợi quyền là nguyên-nhân những cuộc chiến-tranh kéo dài, không ngớt nữa. Quân Mông-cổ tới. Các chúa vẫn chẳng chịu dẹp mối thù riêng, hoặc không giúp đỡ nhau, hoặc có giúp nhau thời lúc lâm chiến cũng hành-động mỗi người một ý. Sức có, tướng tài có, mà họ bị thua. Trận đầu, Mstislas, chúa đất Galitch, một mình xông xáo, quyết thắng một mình, thành uổng mạng và khiến toàn quân Nga lâm vào cảnh cùng khốn. Quân Mông-cổ thừa thế tiến tràn. Trận thứ hai, rồi trận thứ ba, quân Nga thua hoài... Chúa Ionri Igorévitch, đất Riazan, quận-công Georges và rất nhiều chúa khác tử-trận. Biết bao thành như Borissov, Glébov bị phá đốt hết, không còn một di-tích nào. Dân gian bị giết vô kể. Các thành lớn lần lượt bị mất : Riazan, Moscou, Vladimir, Tchernigov, Kiev đều vào tay quân Mông-cổ. Thành Kozelsk chống cự trong bầy tuần, thất-thủ khi người chiến-sĩ cuối cùng bị tên chết. Quân-sĩ anh dũng tận lực chiến-đấu, mà vẫn bị thất-bại, bởi các chúa đã không gây nổi sự thống-nhất trong việc chỉ-huy quân-đội.

Trong có mấy tháng (tháng chạp năm 1237 tới tháng năm 1238), bốn phần năm nước Nga bị chiếm Rồi trong mấy trăm năm (1237-1462), dưới quyền đô-hộ ác nghiệt, linh-hồn người dân Nga bị đè ép, đau nhục, thành ra khô-khan, nghèo nàn. Mãi tới thế-kỷ XVIII, ảnh-hưởng đau-đớn của cái tai-họa đó mới thực hết.

Vào đầu thế kỷ thứ XIII, đế-quốc của người Hồi gọi là Khwarezm, gồm có Ba-Tư, Tiểu Á Tê Á, miền Cận Đông. Trong đế-quốc bao la, rộng rãi đó, ngang từ Ấn-Độ tới Bagdad, dọc từ bể Aeral tới vịnh Ba-Tư, quốc-vương Mohammed cùng các vương hầu, hiệp sĩ Hồi sống một đời cực kỳ hoa-lệ, dần dần đi vào vòng trụy-lạc, bạc-nhược. Bị quốc-vương khích ép, giáo chủ Hồi giáo liền mật cầu cứu Thành-cát Tư-hãn. Người Mông-Cổ có cớ tiến vào Ba-Tư, đánh tan đội quân bốn mươi vạn người của Mohammed, đốt phá không biết bao nhiêu thành quách. Mohammed bị đuổi riết, lao-đao cùng-cực, rút cục chết vì lo buồn, kiệt sức trên một đảo ở bể Caspienne. Đế-quốc đạo Hồi tưởng chừng ngày còn bành-trướng mãi, vụt chốc bị tan vỡ, và cũng không ngày nào còn lấy lại sự hưng-thịnh đã mất.

Dân Hung (Hongrie) không may mắn hơn. Thấy giáo-hoàng La-Mã càng ngày càng lấn hiếp quyền-chính trong nước Hung, lại thêm có những vương hầu nổi lên, chiếm cứ mỗi người một vùng, lòng ái-quốc của người Hung nổi dậy và tìm được phương-kế cứu vãn tình-thế, thống nhất quốc gia. Năm 1222, hiến-pháp ban hành, nước Hung thành một nước quân-chủ lập-hiến như nước Anh. Nhưng nền chính-trị vừa mới lập chưa được vững vàng, thời người Mông-cổ lấn tới như một trận cuồng phong dữ dội.

Vua Bela IV tử trận năm 1241, ở Sesth. Quân đội Hung thất trận, dân gian bị giết đầy đường. Cuộc xâm-lăng như phá hoại hết : đó là một mối nhục lớn, một phen thất-bại chua cay, nhưng cũng vì đó mà một cuộc trùng-hưng, và cải-tạo mãnh-liệt khởi đầu. Dân Hung can-đảm gây-dựng lại quốc-gia bị lung lay, nghèo yếu sau cơn nguy-biến.

Suốt trong thế-kỷ XIII nước Ba-Lan chia ra làm nhiều miền, mỗi miền có một chúa xưng hùng. Các miền đó có hợp lại thành hai miền to : Đại Ba-Lan và tiểu Ba-Lan, nhưng thực ra vẫn không có thống-nhất gì hết. Các chúa vẫn hoàn-toàn tự-do, cai trị đất cát của mình theo ý riêng. Đại Ba-Lan và tiểu Ba-Lan thay phiên nhau tranh cướp quyền thống-trị cả nước.

Tình thế dân Ba-Lan vô cùng rối loạn, khi quân Mông-cổ ầm ầm kéo tới vào năm 1241. Breslan, Cracovie bị chiếm. Boleslaw, chúa một miền rộng nhất, bỏ mạng nơi chiến trường, như nhiều chúa khác, vì họ không cùng nhau hiệp-lực để cùng đánh kẻ thù.

Quân Mông-cổ kéo đi. Nước Ba-Lan bị chia ra làm nhiều miền nhỏ thêm. Số các chúa tăng lên. Dân gian sống trong cảnh lầm-than, cực khổ Mãi tới cuối thế-kỷ thứ XIII, Przemryslaw II, chúa toàn đất Đại-Ba-Lan, mới thu phục được lòng hết các chúa khác, và lên ngôi vua năm 1295. Từ đó, mới có một tinh-thần thống-nhất.

Trong thế-kỷ XIII, ở Trung-Hoa, vua nhà Tống yên vui những ngày vô cùng mỹ-lệ. Cuộc đời đó là nguồn gốc của sự suy-yếu và bại-vọng. Năm 1211, quân Mông Cổ vượt qua Vạn-lý trường thành như không, vì đã có người bị mua chuộc mở một cổng lớn mời họ đi. Họ hạ hết thành nọ đến thành kia, họ uy-hiếp kinh đô phía bắc.

Vua nhà Tống bỏ chạy về phương nam, lấy Hàng châu làm kinh-đô mới, để cho một nhóm trung thần lo liệu việc kháng

cự quân địch. Khi chạy, vua đ cùng một cung phi yêu-kiều, điễm-lệ. Một người dân trông thấy đau lòng nói rằng : « Kẻ có tội lỗi đã đi trước những người trung liệt, trí thức mất rồi (vì vua đi trước, mà các nhà đại nho, bác học lẽo đẽo theo sau) ! Thế là xong ! » Mà thực là hết : thành trì kiên cố không thể cứu chữa được sự suy - nhược của tinh - thần, quân sĩ đông đúc không thể bồi-đắp được sự sao nhãng, thiếu - thốn trong việc-thao luyện hàng ngày. .

Năm 1214, quân Mông - cổ lại kéo đến. Những trận đánh Trung-hoa, giệt nhà Tống cứ kế - tiếp mãi. Cơ nghiệp hùng-vĩ, lớn lao của nhà Tống tan tành ; từ năm 1280, nghiệp nhà Nguyên bắt đầu.

Tóm lại, các dân-tộc Ba-Lan, Hung, Hồi, Nga, Trung-Hoa đều bị người Mông-cổ khuất - phục một cách dễ-dàng, tôi nhắc lại. Vì sao ? Có nhiều lẽ,mà hai lẽ chính là trong mỗi dân tộc đó, sự chia rẽ đã thắng sự hiệp-nhất, lợi riêng đã được trọng hơn lợi quyền của cả nòi giống. Sự thất bại đau cay đã thấy rõ ràng.

Trái lại, người Mông-Cổ chỉ biết có một lòng nghe theo một vị chúa tể.Thành cát-tư-Hãn, khi nhắm mắt, căn dặn các hoàng-tử : « Các con hãy giữ sao cho không có cuộc cãi-lộn nào, một điều hiềm-khích, thù-hằn nhau sẽ có thể xảy ra được giữa các con. Nếu không, đế-quốc sẽ tiêu nát, mà các con cũng sẽ không còn. Tất cả sẽ mất, sẽ tiêu-diệt ». Lời dạy bảo đó được tuân theo. Lệnh của hoàng - đế ban ra, từ vua chúa, vương hầu cho đến quân dân, ai nấy đều cúi đầu nhận và thi-hành. Của cải ở trên đời đều là của Hoàng-đế, không của riêng ai. Vì hai lẽ đó, Hốt-tất Liệt giữ vững và làm rộng thêm đế-quốc Mông-cổ, đến nỗi có thể tự hào coi mình là Hoàng-đế của cả nhân - loại. Sự thừa thắng ở đây cũng rõ ràng.

Người Mông-Cổ chỉ thấy công-cuộc chinh-phục lớn lao không thành-công trong hai lần : trước nước Nhật-Bản, rồi nước Việt-Nam. Lần đầu họ đánh Nhật Bản, chiến thuyền của họ bị đắm mất nhiều, nên họ phải rút về Trung-Hoa. Lần thứ hai, họ sắp sang đánh lại hoãn lại để đủ quân đưa sang trả thù người Việt-Nam. Thoát-Hoan bị bại lần thứ nhất quyết không quên nhục. Giữa hai nước, chưa có những trận đại chiến rùng-rợn ; vậy ta không thể bình phẩm được lực

Có một điều chắc chắn là họ đã hoàn toàn thất bại trong ba lần định xâm chiếm đất Việt Nam. Năm 1257, dưới triều vua Trần Thái-Tôn, Ngột-Lương Hợp thai (Wonleangotai) đem quân Mông-cổ từ Vân-Nam tràn sang bị Trần-quốc-Tuấn đánh đuổi về. Từ tháng chạp năm Giáp - thân 1284 đến tháng sáu năm Ất-dậu 1285, Trần Hưng-Đạo đại vương và các thượng tướng Việt Nam đánh tan năm mươi vạn quân của Thoát Hoan. Quân Việt Nam đại thắng ở những,trận Hàm-tử-quan, Chương-dương-độ, Tây-kết, Vạn-kiếp. Tháng hai năm Đinh - hợi, 1287, Thoát - Hoan mang hùng binh sang quyết rửa mối căm thù. Quân Việt-nam lại đại thắng ở Vân Đồn, ở Vạn Kiếp.. Thoat Hoan đanh cám tức cùng một nhom tàn quân chạy trốn về Trung Hoa.

Vì những cớ gì mà người Việt Nam đã thắng người Mông Cổ ? Co bốn cớ tóm kết trong một lẽ tối cao « thắng hẳn mình, rồi tự nhiên thắng người ».

Người Việt Nam đã thắng vì sự hiệp nhất của cả dân tộc không một khe hở, và đã kết tụ lại ở như một người — Trần Hưng Đạo đại vương. Ba lần Mông cổ sang đánh, quân Việt Nam lúc đầu đều bị điêu đứng, tướng sĩ lao đao, giang sơn ngang ngửa, nhưng Trần Quốc Tuấn vững lòng, bền chí, thành cả dân tộc cùng nuôi và nung nấu một quyết định. Hết thảy không quản mọi sự hy sinh để giữ lấy giang sơn, Một điều rất đặc biệt : các vương hầu được phép vua cho mộ tập quân lính, quyền hành thực lớn, thái ấp vua ban to rộng. Cai họa diệt vong ngấm ngầm hại các dân tộc khác ở đây không thể có được. Không một lúc nào, các vương hầu nghĩ tới lợi riêng, tìm cách chiếm đoạt lợi quyền của nhau, gây mầm nổi loạn trong nước. Trái lại, các vương hầu cùng đem của cải, sức lực, tài trí và sinh mệnh ra phụng sự quốc gia. Chính các vương hầu đã lập nên những chiến công oanh liệt đã kể trên.

Người Việt Nam đã thắng vì có một nền tảng quốc gia chắc chắn, một sự tổ chức chính trị và hành chính vững vàng, hoàn thiện. Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lý Thái Tổ... cùng với các trung thần danh tướng,trải bao nỗi khó khăn của mười hai thế kỷ, đã tạo nên một nước văn minh, cường mạnh, một dân tộc hùng tráng, có một văn hóa rất giàu có, rộng rãi sâu xa. Ngoài khoa thi tam trường đã có từ đời nhà Lý, nhà Trần đặt khoa thi Thái học sinh, khoa thi tam giáo : Nho Thích, Lão, đặt ra tam khôi, lập Quốc học viện để giảng nho học, giảng võ đường để lấy nơi luyện các danh tướng. Ta thấy rõ rằng thân thể, trí lự người dân trong nước được nuôi dưỡng và nâng

cao đến tuyệt đích, để nước sẵn có người hiền, sẵn có thượng tướng dũng trí, mưu lược.

Thế cho nên vua là biểu hiệu thiêng liêng của quốc gia, được toàn dân kính yêu, các quan văn võ hết lòng phò tá. Ai cũng đều nhận rõ bổn phận của mình đối với vua, với nước.

Việc hành-chính trong nước tổ-chức một cách chu đáo. Người cầm đầu dân trong những lộ, những xã là những người trung trực, giỏi tài cai-trị, thấu rõ hai chữ nhân, nghĩa. Cái hại quyền vị những nhiễu dân gian tuyệt nhiên không có ; sự rối loạn không nẩy được một mầm nhỏ. Trật-tự và yên ổn thực là có, vì quan và dân cùng hợp lực gây lên, cùng thành-thực quyết phải có. Như thế, mỗi người mới có thể hưởng được cái vui làm trọn bổn-phận đối với vua, với tổ-quốc.

Người Mông-cổ đã thất bại vì toàn dân Việt-nam cảm thấy rõ ràng đất nước hùng-vĩ do bao lớp người đã gây dựng lên với máu đào phải giữ cho toàn vẹn. Bài hịch của Trần Hưng - Đạo Đại-vương truyền ra để kết thu hết năng-lực, hết sức phản-động của nòi giống, một âm vang mãnh liệt nổi dậy trong toàn quốc. Bởi thế không những người Mông-cổ, mà cả người Chiêm-thành (năm 1252), người Lào (năm 1290) không thể nào xâm phạm tới bờ cõi Việt-nam mà không thiệt hại lớn.

Được như thế, vì toàn dân Việt-nam, trong trật-tự và kỷ-luật, cùng nhau cố gắng làm việc. Các trai tráng đều ra tòng quân, hàng ngày thao luyện võ lực, phòng nạn ngoại xâm. Lực-lượng trong nước súc tích lại, rất dồi dào, sung túc. Khi nước lâm nguy, dân gian không tiếc gì hết, đem tài-sản và sinh-mệnh ra để vua và các thượng tướng tổ - chức cuộc kháng chiến. Trần Hưng-Đạo Đại - vương xin vua Trần Nhân - Tôn đánh mà không hòa, các bô lão thay mặt dân cũng đều xin đánh, không chịu khuất phục quân cường bạo. Lực có, tài có, sao thể hòa cho được, bởi hòa rất nhiều khi có nghĩa là thua, là hàng quân địch. Người ta không phải nhìn một cái thảm trạng có ở nhiều dân tộc ; ở trên đất Việt-nam, cần lao thẳng hẳn lười biếng và phóng túng. Ai nấy đều trông xa, sống rộng, đều quyết thắng hết mọi trở lực cho sức sống và bành trướng của nòi giống mình.

Người Việt-nam thắng, vì đã có nhiều sáng kiến, nhiều ý tưởng rất táo bạo, khiến cho công cuộc gây lực-lượng chiến-đấu của quốc-gia có kết quả mỹ mãn.

Tất cả các trai tráng trong nước đều phải ra tòng quân. Chính sách cưỡng bách tòng quân bắt đầu có ở đời nhà Trần. Trong khi mà biết bao nhiêu nước ở thế kỷ thứ XIII cho tới thế-kỷ thứ XIX, ở Âu và Á, còn phải thuê mướn người nước khác để tự vệ hay lấn áp lẫn nhau, người Việt-nam đã tìm thấy cách bảo-vệ lấy giang sơn vừa hiệu nghiệm, vừa công bằng. Khi người Mông-cổ ào ào kéo tới, hai mươi vạn chiến-sĩ Việt-nam có thao-luyện, tổ-chức hẳn hoi, lại thêm lòng ái-quốc rất mạnh, sẵn sàng cự chiến, và ba lần đều toàn thắng. Vua Trần Nhân-Tôn hỏi các bô lão nên đánh hay nên hòa. Cử chỉ đó thực có lần đầu tiên trong nhân loại Á-đông. Thường ở các nước quân-chủ, vua bàn việc nước với các vị thượng - thư, nguyên-soái, hay quyết đoán một mình, định đoạt một mình số phận của quốc-gia. Cử chỉ đó khiến cho toàn dân biết bao cảm kích, Thế cho nên cái nạn có thể thành một thảm-họa diệt vong đã là một dịp cho nòi giống Việt-nam rõ sức sống và sức bành trướng của mình, ngày một mạnh bước trên đường tiến hóa. Dân tộc Việt-nam đã tỏ ra đủ hơi sức, năng lực, tài trí để dự vào cuộc sống chung của cả nhân loại.

Trong một bầu không khí thiêng - liêng, trong sạch của lòng ái quốc, người Việt-nam hăng-hái và siêng-năng làm việc, thao luyện văn võ. Tự nhiên, người Việt-nam đã đi tới sự toàn thắng. Rồi lúc đó : « ... dẫu không vui vẻ, cũng tự khắc được vui vẻ ». Lúc đó là lúc nước còn.

Nhắc lại hai giòng chữ :

«... dẫu muốn vui vẻ, phỏng có được không »,

«... dẫu không vui vẻ, cũng tự khắc được vui vẻ »,

chúng ta cảm thấy rằng đức Trần Hưng-Đạo đã nói một lời đúng cho hết mọi dân-tộc, mọi quốc-gia, trong hết các thời-đại.

Trước cuộc xâm-lăng hung-tàn của người Mông-cổ, riêng một dân-tộc Việt-Nam đã biết sống một cách khắc khổ, đường-bệ, đã không trốn-tránh, trái lại đã đi tới trước, đã vui-vẻ, đường-hoàng nhận lấy hết các điều-kiện ác-liệt của cuộc đời.

⁂

Ngày hai mươi tháng tám ta ngày người Việt-Nam đã ghi được những trang Quốc-sử oanh liệt. Chúng ta hãy cùng ngẫm-nghĩ lẽ tối-cao đã giúp dân-tộc ta thắng người Mong-cổ ấy...

DƯƠNG-ĐỨC-HIỀN

Năm ngoái, bản chí có soạn một số *đặc-san về đức Trần-Hưng-Đạo*, trong có nhiều bài khảo-cứu rất công-phu. Hiện còn giữ lại được một ít. Bạn nào muốn có số đặc-san ấy, xin cứ gửi mua tại nhà báo bằng 0p24 tiền tem.

TRI-TÂN

Mấy nơi danh-thắng có quan hệ với Trần sử

Núi Yên-phụ và động Kính-chủ, nơi đền thờ đức An-sinh-vương TRẦN-LIỄU và nơi đọc sách của cụ PHẠM SƯ-MẠNH...

Du-ký của NGUYỄN ĐAN-TÂM

KHÁCH DU ngồi trên xe-lửa đường Hà-nội—Hải-phòng đến qua ga Hải-dương, thường trông thấy, về bên trái, một dãy núi màu tím-tím che lấp chân trời.

Dãy núi này có một ngọn cao nhất là núi Yên-phụ. Trên ấy có đền thờ An sinh-vương Liễu, thân sinh ra đức Trần Hưng-Đạo, cho nên khi trong lên chân núi, ta thấy trong bóng cây xanh mờ thấp-thoáng có ánh trường trắng.

Muốn về đấy, ta phải xuống ga Lai-khê rồi đi xe ta đến bến đò Mà chừng ba cây số. Từ đò May trở vào trên à qua gần sơn-đã, có những [illegible] cái nhà nhỏ [illegible] chân [illegible] một cái đèo tục gọi là đèo Ngà Bê. Đèo có một giòng suối bẩy trong đẹp, nơi ấy rất của những cô gái sơn-thôn về mùa hạ. Cho nên có câu :

« *Người sầu như ma,*
« *Tắm nước suối Ngà thì đẹp bằng tiên* ».

Đi gần đến chân núi Yên-phụ, ta nhìn lên sẽ không thấy ngôi đền nữa vì chỏm núi đã che khuất. Phải đi vòng quanh một trái đồi thấp rồi qua đèo Than mới tới nơi.

Lên được đèo Than là một sự khó-nhọc. Thế mà hằng năm, cứ ngày mồng một tháng tư là ngày giỗ đức vương, nam thanh nữ tú lên dâng hương trên « Đền Cao » rợp cả sườn núi.

Tôi lên vãng cảnh vào một ngày cuối tháng năm.

Trời đã gần ngọ mà vẫn không có nắng. Tưởng được may-mắn gặp hôm mát giời ai ngờ vừa lên đến đèo Than thì trời mưa ! Những hạt mưa bay lả-tả, không to lắm nhưng cũng đủ ướt áo và chăng màn che khuất cả những đồng ruộng bao la dưới chân núi.

Lên đến chùa thì gió vừa tạnh, trông xuống chân xa thấm những đám mây trắng bay lửng-lơ, thỉnh thoảng từng mảng, để lộ những mảnh ruộng mạ non, những khóm cây xanh thẫm, một vài mái ngói đình vạch những vết đỏ ở nơi xa...

Vào trong sân, một nền núi xan phẳng, phải trèo qua những bậc đá lớn, chen dưới một bụi trúc và mấy cây cao. Bên cạnh sân chùa là mấy gian nhà lợp rạ.

Tôi cúi chào một người đang ngồi đăm đăm tìm thế cờ một mình trong một căn phòng nhỏ hẹp và hỏi thăm sư cụ trụ trì. Người trả lời ở đây chỉ có thầy tự và chính người trông nom ngôi chùa này. Thảo nào tôi thấy ngoài sân có mấy con gà con đang đuổi nhau, một cảnh giang sơn biệt lập mà như một gia đình ở thôn dã.

Lạ hơn nữa là ở trên ngọn núi ngay trước sân chùa, bên cạnh cái miếu con, có hai cái hồ, một trong, một đục, thiên tạo ở liền với nhau, chỉ cách nhau một cái bờ nhỏ. Trên bờ hoa đại rụng xuống trắng xóa, đẹp như một trận mưa tuyết ở trong tranh vẽ ngang cảnh vẫn có những đám mây vương lẩn-vẩn.

Tôi xin phép lên lễ chùa.

Chùa xây thấp nền đá, kiến-trúc ra kiểu một nhà khách hơn là một am thiền. Trong có tượng phật sơn son như các nơi. Trên cửa đề ba chữ lớn : « *Tường-vân tự* ».

Trên cao mới là đền thờ An-sinh-vương. Đền ở mé bên phải và ở ngọn núi. Muốn lên, phải trèo qua mươi bậc đá, đi len chân những gốc hoa đại lớn và những khóm chè mảnh dẻ, là thưa.

Đứng trước tam-quan, trông xuống, thực là một cảnh giang sơn hùng vĩ. Ông Từ chỉ cho tôi xem dãy núi Hạ-chiểu và quả núi Dương-nham có đền Kính-chủ rải-rắc đặt trên cánh đồng, trông xa như những hòn non bộ bằng đá xanh. Đấy là nơi quân ta đã đóng để đánh đuổi quân Minh và cũng là nơi chiếm cứ xưng hùng của đoàn

Nhà in
TRI-TÂN
Nhận in đủ các việc
70 Bach-mai - Hanoi xóne

quân Đốc-Tít chưa quá một trăm năm.

Nhưng rỡ-rệt hơn hết — vì có ánh mặt giời hât sáng — là giòng nước quanh-co nhiều tránh : giòng thượng-lưu của con sông Bạch-đằng thong-thả chảy.

Cảnh nên thơ bất giác động lòng du-khách, khiến người nhớ lại những chiến-công rực rỡ khi xưa của Ngô - vương Quyền và Trần hưng-Đạo. Tôi đọc thầm hai câu thơ của Phạm sư Mạnh :

« Hung-hung Bạch đằng đào,
« Tưởng tượng Ngô vương thuyền.»
Bạch Đằng sóng vỗ nào nào,
Thuyền vua Ngô nhớ dịp chèo năm xưa..

Trông lại cửa đền : lại những bậc đá cao, một tòa cổ miếu, một cái sân đá xan phẳng ở lưng trời. Ở hai bên là hai dãy hành lang nhỏ. Giữa sân là một cái lò đốt hương, bên cạnh một bức bình-phong xây gạch có đắp hình lân-phượng hai mặt.

Trên cửa đền trong khung gỗ ở giữa khắc ba chữ «*Lân-phượng các*», một bên bốn chữ : «*Long-đức chính trung*» và một bên « *Đông - châu danh-thắng*».

Vào trong có hai đôi câu đối sơn son thếp vàng. Một đôi là ;

Phụ-linh giáng thần, lẫm liệt càn khôn chính khí ;
Đông-a dực vận, huy-hoàng sử sách lưu danh (1)

Và một đôi :

Phụ-linh vân trung, Trần khải thánh An sinh vương, linh thanh truyền cổ-miếu ;
Đào nguyên động thượng, Lạc-long quân bào noãn tử, thinh thế hợp tân-xuân (2)

Đền nhỏ hẹp, xây thấp nhưng vững trãi. Tượng đức vương thờ ở trong cùng cung cấm, ngoài có cửa võng, chẳng xong che kín ít ai được vào.

Tôi xem xong, trở ra, thì lễ và hỏi đường xuống núi vì còn phải sang Dương - nham thăm đền Kinh chủ, đặt trên hòn Thạch-môn-sơn ở hữu-ngạn thượng lưu sông Bạch-đằng.

Đứng bên cái bể xây đầy nước mưa trong vắt, ở cạnh tam quan, ông Thủ-từ chỉ cho tôi lối hạ sơn và dặn dò :

— Ông cứ theo con đường hươu chạy, xuống đến gần dưới chân núi hễ có cái giếng nhỏ kê đá chung quanh thì rẽ sang bên trái. Ông đừng đi thẳng sẽ leo nhầm sang ngọn núi khác thì không bao giờ đến nơi

Tôi vâng lời, chào rồi đi xuống.

Lối đi bên sườn núi này đẹp hơn: những hoa dại màu tím nở đầy bên kẽ đá. Thỉnh thoảng lại gặp một bụi hoa mẫu-đơn, có màu đỏ thắm, có màu vàng tươi, có những cây còn nhỏ chưa cao quá gang tay mà chùm hoa đã đầy đặn như một đĩa xôi gấc.

Càng xuống đến chân núi, mây càng thưa dần vì những ngọn gió ở đâu dồn lại nâng tất cả những đám khói nước ấy lên che đầu núi cả rồi.

Cái giếng nước mà ông Từ dặn tôi lúc trước bây giờ đã hiện ra như một cái vòng ngọc-thạch bỏ rơi bên sườn núi.

Từ cái giếng tròn có bờ đá xanh xây cao này, tôi đi vòng qua đồng lúa làng Dương-nham. Bờ ruộng ở đây đặc biệt hơn các nơi khác vì nó không trơn, không lầy lội những đất thịt mà phần nhiều là đất núi màu đỏ và xốp, không đọng nước.

Sang đến đường cái quan có rải đá là con đường lớn, khô-ráo, chạy từ bến Triều qua đây về đến tận phủ lỵ Kinh-môn ở Yên lưu và vòng ra đường ga Phú-thái. Vì vậy các bạn đi thăm riêng Kinh chủ có thể xuống thẳng ga Phú-thái tiện hơn

Chùa thuộc về làng Dương-nham. Ở đường cái vào làng, đi qua chợ thì vừa đến cổng chùa. Ở trên cổng chùa có gác chuông vẽ tượng Vũ-đế và một vị Hòa-thượng. Bên trong và bên ngoài cổng có hai đôi câu đối nôm, viết bằng quốc - ngữ lối chữ triện do sư cụ ở đây đặt ra như sau này :

1. Gió gác lan chuông kềnh khua tỉnh mộng trần người tây lây,
Thang mây thềnh cửa động mở đường giác ngộ khách nam vô.

2. Tiếng nhặng còn khuya, hoa cỏ chửa hay then ngỗ, đóng ;
Đuốc rồng khi tỏ, non sông mới biết cửa vuông, tròn.

Nếu không có cây cỏ và từng núi đằng sau làm «phông» thì cái công trình kiến-trúc ấy có vẻ tân - tạo tầm thường.

quyển đầu tiên trong « Tủ sách đẹp » của nhà xuất bản TÂN-VIỆT

VÀNG SAO

Tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ CHẾ LAN VIÊN
In toàn trên giấy vergé bouffant giá đặc biệt 2 p. 50
Có in riêng làm 10 bản lụa đó giá 8 p. 00 mỗi bản và 2 bản giấy impérial d'Annam à la cuve giá 30 p. 00 mỗi bản.

Nhà xuất bản Tân-Việt 49 Takou — Hanoi

Còn một ít

Trong 99 Chóp núi

(Đinh nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm giá 1 p 00
Đời văn quyển II của Trần-thanh-Mại giá 0 95
Thanh niên trước thế giới mới giá 0 45
Thế giới mới giá 0 45
Một ngày của Tolstoi giá 0 50
Phê bình văn học, giá 0 95
Nghệ thuật làm việc, giá 0 50

Sau gác chuông là chùa ngoài ở dưới chân núi, nơi trà-thất và chỗ các sư trụ trì.

Đi hết một cái sân dài lát đá, có bóng cây, mới đến cầu thang lên động. Có tất cả 64 bực đá phẳng-phiu. Lên đến nơi là một cái sân nhỏ có ngựa đá, có thạch-bàn rồi qua nhà đại-bái ngăn làm ba gian, vào một cái sân nhỏ nữa mới đến động.

Chùa chia làm ba nơi. Ở giữa là tam bảo thờ Phật, có tượng Hộ-pháp đứng hai bên. Phía tay phải là cung thờ vua Lý Thần-Tôn (tục truyền là hậu-thân của Từ Đạo-Hạnh) có biển đề « Đại Lý Hoàng-đế » và một đôi câu đối rằng :

Không sắc chứng tiền nhân, Nam-quốc thuyền-sư Tây-chúc phật ;
Anh-linh trường thủ địa, liên hoa thánh chúa Thạch-môn sơn (3)

Phía tay trái mới chính là động.

Ngay trên cửa động có bài thơ thất ngôn trường thiên ngự đề của vua Lê Thánh-Tôn khắc vào đá đã mấy trăm năm, nét chữ còn rõ ràng. Vua Lê Thánh-Tôn là một vị đế-vương chuộng văn thơ, làm chủ « Tao-đàn nhị thập bát tú ». Ngài lại có cái đặc điểm là ưa viết quốc văn. Bài thơ này nhân ngài đi duyệt quân qua đây cảm hứng mà có :

Thạch môn sơn thượng đăng lâm xứ ;
Hư thất, cao sơng khai bạch trú,
Cự thạch hàm-nha thổ phạm cung,
Ta-nga quái thạch, cao đề thụ.
Giang thủy đạm ư tăng nhãn bích,
Hải sơn nùng tự phật đầu thanh,
Quyện điền hữu tình y mật điệp,
Nhàn vân vô ý lạc không đình.

LÊ THÁNH-TÔN

DỊCH

Đăng-lâm chơi núi Thạch-môn ;
Cửa cao, nhà trống, mở toang ban ngày.
Hả mồm, núi nhả am mây ;
Đá già lởm-chởm xen cây cao, lùn...

Nước sông biếc kém mắt tư,
Biển non xanh đậm xanh như phật đầu.
Chim bay mỏi cánh về đâu ?
Cố tình nấp chỗ cành mau, lá dày.
Hững-hờ kia mấy đóa mây
Xa-xa như muốn rụng đầy sân không !

— (Bản dịch của HOA-BẰNG)

Vào trong động có tượng thờ Thập-điện, cảnh âm-phủ và Diêm-vương, sơn xanh, đỏ và đắp xát vào vách đá. Ở giữa động có ban thờ và ngai thờ đức Khổng-Tử. Rẽ về bên cạnh có lối hỏm đi vào, có ánh mặt trời lọt xuống và một cái suối con như hình giếng đầy nước trong, lạnh giá.

Trông trên vách đá còn mấy chữ ; « *Vân-thạch thư-thất — Phạm Sư Mạnh thư* » khắc bằng lối chữ lệ của cụ Phạm Sư-Mạnh, một danh-nhân đời Trần. Hiệu Úy-Trai, cụ người làng Dương-nham, huyện Hiệp-sơn (nay là phủ Kinh-môn). Cụ đỗ tiến-sĩ làm đến chức Hữu-tướng.

Bàn thờ cụ ở gian ngoài cửa động, sơ sài chỉ có một cái bệ đá, hai cây đèn nến bằng đá, một cái lư hương bằng đá. Tôi bất giác nghĩ đến thuở sinh bình của cụ mà ngậm-ngùi trông tấm bài vị cũng bằng đá, không vàng son, khắc một giòng chữ triện giản dị, từ trên xuống dưới :

« *Trần triều tiến-sĩ hữu - tướng Dương nham Phạm tướng-công tự Sư-Mạnh tiên-sinh linh vị tiền* (4).

Nơi đây, thuở còn là học trò, cụ lấy làm phòng đọc sách, làm nơi dùi mài kinh sử và đã viết nên tập thơ « *Hiệp thạch tập* », Từ việc văn mặc trong triều chính đến việc ngoại-giao chính-trị ở ngoài, cụ lên đến chức Tể-tướng dưới đời vua Giụ-Tôn nhà Trần (1341-1369) và có trách-nhiệm cả việc nước, việc quân.

Khi cụ làm chức Hành-khiển, nhân một buổi phụng chiếu ra điểm duyệt ngũ lộ quân để sửa sang chính sách phòng bị chốn biên-thùy, khi qua núi Dương-nham, lòng hứng hứng phát ra thơ. Ta hãy đọc bài thơ ấy sau đây theo thể tràng thiên ngũ ngôn đã vạch lên đá do bút tích của cụ :

Hành dịch, đăng gia sơn,
Kiều thủ vạn trùng thiên,
Đồ bằng nam-minh ngoại,
Tân nhật đông-nhạc tiền,
Yên-phụ thiên nhất ác,
Tượng-đầu nhận cửu thiên,
Tằng tằng Tử-tiêu vân,
Hội phóng An-kỳ tiên.
Hung-hung Bạch-đằng đào,
Tưởng - tượng Ngô - vương thuyền.

PHẠM SƯ-MẠNH

DỊCH

Duyệt binh, lên núi nhà chơi,
Nghển đầu : muôn dặm, kia, trời mênh-mang !
Chim bằng bay tít biển Nam,
Chầu vừng nhật, trái đông-nham đứng nhìn...
Yên-sơn, trời thấp, muôn vin ;
Núi Đầu-voi vút chín nghìn nhận kiêu.
Tầng-tầng mây phủ Tử-tiêu,
Tiên Kỳ sinh, biết tìm theo chốn nào ?
Bạch-đằng ầm nổi sóng đào,
Tưởng thuyền Ngô-chúa dào-dào đang bơi !

— (Bản dịch của HOA-BẰNG)

Xem đấy thì cụ Phạm Sư-Mạnh thực xứng đáng làm chủ nhân cái động này. Cụ đã lưu lại cho Thạch-môn-sơn cái giá-trị về lịch-sử và ta hiểu rằng khi thiêng sông núi nơi đây đã đào tạo nên một vị anh-hùng tài kiêm văn võ cho nước Nam ở cái đời Trần cực thịnh và danh-nhân rất đắc chí xưa. Không những đường công danh, sự-nghiệp của cụ lớn lao mà thôi, cụ còn là một người đại đức. Cụ học nho, tín-ngưỡng học thuyết của thầy Mạnh, nên đặt tên mình là Sư-Mạnh nghĩa là « bắt chước thầy Mạnh ». Nhân cái tên ấy, khi sang sứ Tàu, người Tàu bắt cụ ám-tả đủ 7 thiên trong sách *Mạnh-Tử*, cụ viết không sai một chữ mà nét chữ lại y như sách Tàu, người Tàu đều lấy làm lạ.

Cụ thực xứng đáng là học trò cụ xử-sĩ Chu Văn-Trinh. Khi hầu thầy, cụ thường đứng dưới thềm chắp

Xem tiếp trang 16

HƯNG-ĐẠO...

Kịch lịch-sử : Ba hồi.

CÁC VAI : Nhân tôn ; Hưng-đạo-vương ; Nguyễn khoái ; Yết-kiêu ; Dã-tượng ; Các tướng ; Quân-sĩ.

HỒI THỨ I

TRIỀU ĐÌNH

Các quan vào trước Vua và Thị-vệ vào sau

Nhân-tôn — *Chư khanh bình thân*
Chư khanh hỡi ! nước non buồn mang mác.
Khắp non sông muôn vạn bức sầu treo
Ngẫm thân sầu buồn quạnh quẽ có ai đâu.
Thương dân chúng chịu bao điều lao khổ
Trước thế giặc quá nhân đây không nỡ.
Dân lòng trông muôn họ phải lầm than,
Nên muốn thuyền treo biển dựng cờ hang,
Lời nói đó phải chăng A chư-tướng ?

Một tướng — *Kẻ hạ-thần cúi đầu mong Thánh-thượng*
Thọ ngàn năm cùng độ-lượng hải-hà.
Muôn tâu bệ-hạ.
Biết sức người rồi xét kỹ sức ta,
Trăm trận đánh ắt là trăm trận thắng.
Nay binh Nguyên quân đông dai muôn dặm
Tướng ta nhiều, khí mạnh ai sao Ngưu ;
Con quân ta tuy cũng cảm, đa mưu.
Nhưng phó ý được bao nhiêu mà dám đọ ?
Xin bệ hạ vì lòng thương trăm họ
Mà tạm hàng cho khỏi khổ muôn dân.

Hưng Đạo — *Xin bệ-hạ đại xa kẻ ngu thần*
Run sợ cúi đầu phân trần mọi lẽ :
Thanh-hoàng vốn lòng trời lượng bể.
Thương dân đen như con đỏ sơ-sinh.
Nhưng cũng nên hồi tưởng tới thanh danh
Của non nước trong sử xanh truyền lại.
Sông Bạch-đằng còn vang reo mãi mãi
Tiếng anh-hùng Ngô-chúa bài Hán-binh ;
Chi-lăng thanh còn sức nức phương danh,
Lê-Hoàn phá tan tành quân rợ Tống.
Ngẫm Tổ-quốc với núi cao sông rộng,
Hỏi ai không rung động tấm trung can ?
Có lẽ đâu trước giặc Thát hung tàn
Đã vội lấy giang-san làm lễ hiến ?

Nhân Tôn — *Trẫm cũng muốn như Đại-vương kháng chiến,*
Cho nghìn sau khỏi thẹn với cao xanh,
Nhưng . . .

Một tướng khác. — *Xin bệ-hạ thôi đừng khinh-chiến nữa,*
Cho có hồn vạn thuở chịu đau thương.
Hãy dẫn lòng, nguôi nhiệt-khí phương cương

SÔNG BẠCH-ĐẰNG

Âm nhạc của **LƯU HỮU-PHƯỚC**
Bài ca của **MAI VĂN-BỘ** *và* **NGUYỄN THÀNH-NGUYÊN**

Tác-giả giữ bản-quyền

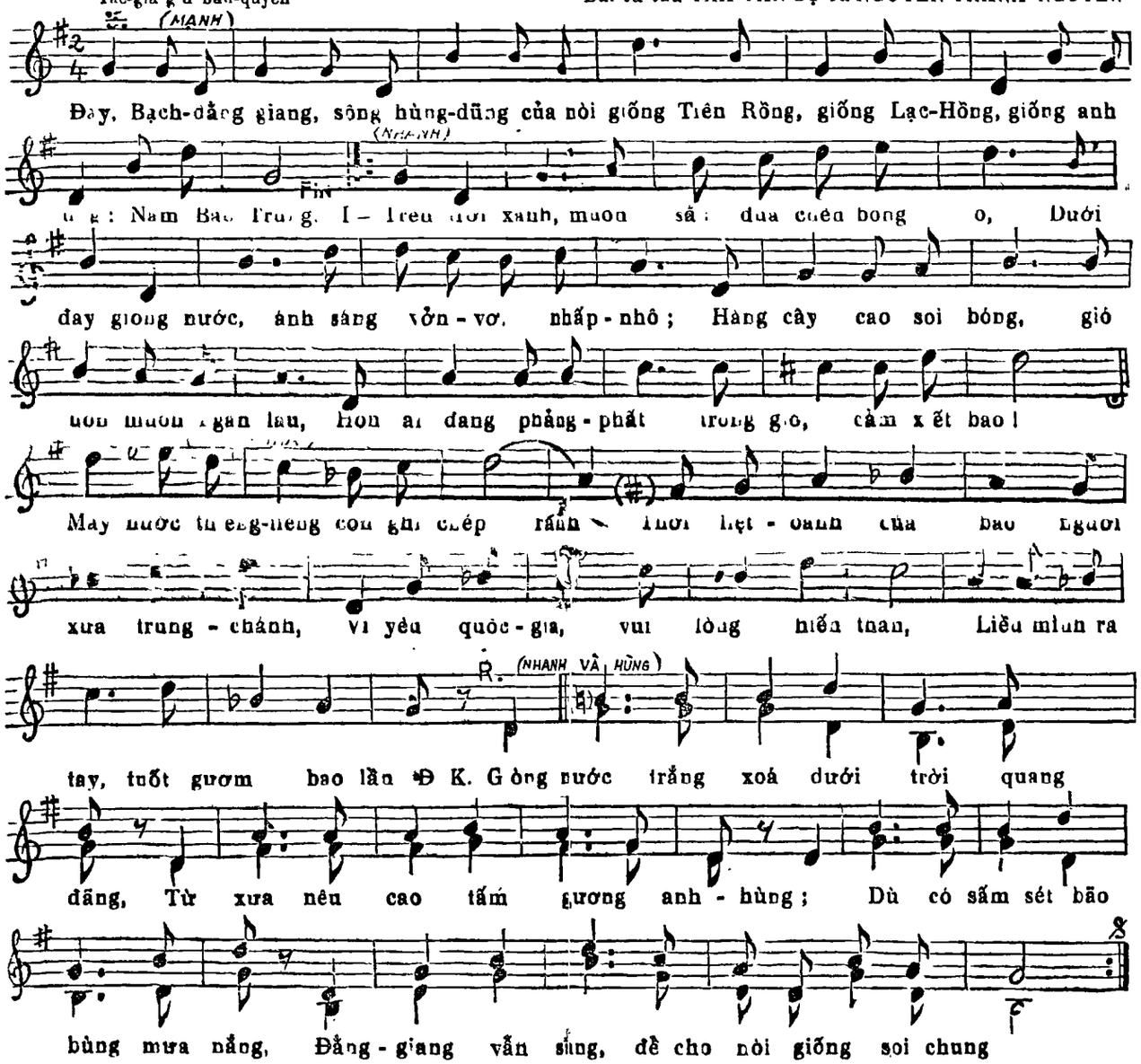

II Trên giòng sông, muôn bóng gợi trong trí ta
Biết mấy thành tích, biết mấy gắng-công thiết tha
Kìa quân Ngô-tiên-chủ chém giết quân Tàu man,
Kìa quân Trần Quốc-Tuấn đánh thắng quân Thoát-Hoan
Nay đã bao lâu ? còn đâu nữa rồi ?
Thời giờ qua, đã bồi mờ trong đêm tối
Người nay có hay : đã vì chúng ta
Người hùng anh xưa giữ nước non nhà ?

(QUA ĐIỆP-KHÚC)

...ĐẠI-VƯƠNG

Để non-nước khỏi núi xương, sông máu,
Bao thây phơi cho qua phanh, ruồi bậu,
Tiếng khóc than vang thấu tận Thiên-cung.
Ẩm con thơ, vợ trẻ đứng bên sông
Quăn lòng ngóng tin chồng ngày vắng bặt !
Chân run rẩy và lòng đau như cắt,
Đăng huyên già mỏi mắt rõi phương xa,
Thay chu đâu ? đường cát bụi mịt-mờ,
Tìm sao thấy bóng hình xưa thân ái !

Một tướng khác — *Bao thanh quách đền đài xưa để lại*
Trong phút giây tàn hại nát như tương,
Hang mỏ vàng, bể ngọc núi kim cương
Đem phung phí coi thường như sắt vụn !
Thôi, xin đem tiền kho, đem thóc đụn
Ma tiễu trừ bệnh hoạn giúp lương dân.
Cho mọi người có áo mặc cơm ăn,
Há chẳng phải lòng nhân là đáng quý ?
Phật Như-Lai lánh uy quyền tước vị,
Cũng chỉ vì quyết chí cứu lân mê.
Thanh Khổng-Khâu bôn tẩu khắp sơn khê
Vì nguyện ước vỗ về yên trăm họ.
Xin . . .

Hưng-Đạo. — *Ai nói đó hẳn không biết hổ,*
Lưỡi cú diều đừng khua mỏ, múa môi,
Thân ngựa trâu cam chịu phân tối đòi,
Đem đất nước làm mồi cho giặc Thát !
Xin Bệ-hạ giữ-gìn từng tấc đất.
Truyền đem quân đi tiễu phạt rợ Mông :
Có đem thân ra gìn-giữ non sông.
Mới đáng bực anh-hùng trong vũ trụ.
Vẫn hay rằng nước Nam ta bé nhỏ,
Mà đại binh Mông-cổ khí dương kiêu :
Nhưng dụng binh, không cốt ở lương nhiều
Mà cốt tướng tri mưu điều khiển giỏi.
Thần vẫn mong cho nước thoát khỏi
Nạn binh đao tan hại tới bọ sâu ;
Nhưng đã sinh ra làm kiếp mày râu,
Giặc tới nhà có lẽ đâu không đánh ?
Hạ-thần xin đem đầu dâng lương thánh,
Để khỏi trông thảm cảnh nước nhà tan.
Đầu thần còn, thì xã-tắc bình an,
Thần xin nguyện lo toan bình giặc Thát.

Nhân tôn. — *Lời khanh nói chắc như đanh như sắt,*
Đất nước nhà còn mất, trẫm nhờ khanh.
Khanh khá mau lo thống lĩnh muôn binh,
Luyện tướng sĩ ra tay bình giặc nước.

Hạ màn
Còn nữa

TRẦN VĂN BÍCH

Thư gửi cho bạn

NHẮC NHỞ ĐẾN DANH NHÂN VIỆT-NAM XƯA

Chợ - lớn ngày... tháng... năm Nhâm-ngọ.

Tôn, bạn

HÔM rằm tháng năm, bạn có viết cho tôi một bức thư, đại khái bạn nói trong một lúc bạn bị một cái buồn vô - lý đến xâm-chiếm lòng bạn và làm mờ cả tâm trí bạn Có một đoạn bạn viết xem cũng buồn thật. «... Hôm ở trên anh về, thật tôi bị một cái buồn làm mờ cả tâm trí, mà xét kỹ tôi thấy vô lý quá... Những hạt mưa con và bụi than bam đầy quần áo, tôi cũng không màng phủi. Ngồi ở toa sau chót, tay vịn vào chiếc xe đạp dựng gần bên, mắt đăm đăm nhìn xuống đường rầy. Tám ván nầy đến tấm ván khác lần lượt qua, qua mãi ; dòm tận đằng xa, tưởng tượng như cái thang dài vô tận. Hai thanh sắt gan lì chịu đựng cái sức nặng nghìn cân của những con vật,bằng gỗ và sắt họp thành,thường ngày qua lại. Rồi ngày tháng phôi pha, nắng mưa phơi trải, dần dần mòn mỏi với thời gian, sẽ bị bỏ quên trong đống sắt cũ-kỹ... như người đời, sau những ngày vật lộn với thời gian cực nhọc, sẽ bị *bỏ quên* dưới ba tấc đất phủ dầy một lớp rêu xanh...

« *Dĩ vãng là một chuỗi mồ vô tận,*

« *Tương lai là một chuỗi huyệt khôn thành,*

« *Còn hiện tại, mới làm sao, bạn hỡi ?* ».

Sao bạn lại quá bi quan vậy ? Sống ở thời đại khoa học độc thịnh này, ta phải nhìn thẳng vào thực-tế, làm việc với hiện tại để hi-vọng một ngày mai sán-lạn vui tươi hơn. Mình biết tạo lấy tương-lai thì nó sẽ đem hạnh-phúc đến với mình, chứ không bao giờ nó là « một chuỗi huyệt khôn thành » như lời bạn đã nói đâu.

L'avenir n'est pas chose faite qu'il faille attendre, il faut le créer soi-même» Michelet đã nói thế đó.

Thỉnh thoảng ta cũng nên nhớ lại dĩ-vãng, nhớ lại những kỷ-niệm êm đẹp đã qua để sống lại những cảm giác êm-đềm khoái thích,đó là những trợ lực tiềm tàng đẩy ta tiến bước trên đường đời.

Nhưng rất không nên nhớ lại những chuyện tủi buồn đã qua để mà sầu khổ, vì đời người đâu phải toàn những chuỗi ngày khổ não sầu thương. Trong một lúc, ánh mây buồn nhẹ phớt qua tâm-trí bạn, sao bạn lại thốt ra những lời yếm thế quá vậy ?

Bạn nói : «. . . như người đời, sau những ngày vật lộn với thời - gian cực nhọc, sẽ bị *bỏ quên* dưới ba tấc đất phủ dầy một lớp rêu xanh. » Vẫn biết rằng không ai tránh khỏi luật đào thải thiên nhiên, nhưng người đời có « *bỏ quên* » ai, là họ « *bỏ quên* » cái khói thịt xương thối tha, tan nát của người thường, chứ có bao giờ họ quên được những sự nghiệp tốt đẹp, những công-trình vĩ đại của hạng danh - nhân đã xây dựng và để lại cho hậu thế thừa hưởng

Bạn có quên được Tố-Như Nguyễn-Du tiên-sinh với tác phẩm vô-giá « Kim Vân-Kiều », một áng văn chương « vô tiền tuyệt hậu » ấy không.

Bạn có quên được bà Đoàn thị-Điểm với bản dịch nôm « Chinh phụ ngâm », một khúc ly-ca ai oán của Đặng-Trần-Côn tiên-sinh không ?

Bạn có quên được cụ Nguyễn Trãi, một công thần của vua Lê-Thái-Tổ với cái mẹo thích chữ vào lá cây rằng : « *Lê - Lợi vi quân, Nguyễn - Trãi vi thần* » mà khích động lòng người về phò vua Lê cho quân đông tướng mạnh; với bài « Bình Ngô đại cáo » dũng mãnh hùng hồn ấy không ?

Bạn có quên được Hưng-Đạo đại vương Trần-Quốc-Tuấn, vị anh-hùng cứu quốc đã đánh tan quân Mông-cổ trên sông Bạch-đằng ấy không ? Nhờ chiến công oanh-liệt ấy, sau sứ ta sang Tàu không đến nỗi chịu hổ-thẹn trước vế câu đối họ ra :

« *Đồng trụ chi kim đài dĩ lục* »

(*Cột đồng đến nay đã rêu xanh*).

Đó là người Tàu cố ý nhắc đến việc Mã-Viện dựng cột đồng để làm nhục sứ ta. Nhưng sứ ta nhớ ngay đến Ngô-vương Quyền và Hưng-Đạo đại-vương, liền đối lại rằng :

«*Đằng-giang tự cổ huyết do hồng*»(1)

(*Sông Đằng từ xưa nước còn đỏ*).

Thế là nhờ huân-nghiệp của các vị anh hùng, nhất là đức Trần Hưng-Đạo, mà sứ ta đã rửa được cái hờn quốc sỉ. Vậy người đời có quên được Trần quốc Tuấn bao giờ đâu ?

Người ta lại nhớ đến :

Thượng-tướng Trần Quang-Khải cũng đánh phá được quân nhà Nguyên và ghi công trong hai câu thơ rất mạnh mẽ nầy:

Đoạt sáo Chương dương độ,
Cầm Hồ Hàm tử-quan » ;

Ông Trần quốc-Toản, vị anh-hùng trẻ tuổi ở thời Hưng đạo vương, với chuyện bóp quả cam nhừ nát trong bàn tay, khi ông nghe các tôn-thần bội bàn việc đánh quân Nguyên mà mình không được dự, với cây cờ có đề sáu chữ « *Phá cường địch, báo hoàng ân* », với những trận đánh đâu được đấy ;

Ông Phạm Ngũ-Lão, một tay tướng tài đã từng giúp đức Hưng đạo trong nhiều trận, với bài thơ hùng-tráng mạnh bạo và khảng khái nầy :

« *Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu;*
« *Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu ;*
« *Nam nhi vị liễu công danh trái,*
« *Tự thính nhân-gian thuyết Vũ-hầu !* »

Xem tiếp trang 15

Cung đề

TRẦN HƯNG-ĐẠO THÁNH MIẾU

Lối thơ Nam-đàn bát châu

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÔN PHỤC

Vận thế-giới, giặc Nguyên xưa hùng vũ
Vào Nga-tư, sang Ấn-độ, vượt Trung-hoa.
Thánh Nam-hải, tướng Đông-a,
Phong-vân hai chuyến, sơn-hà một tay.
Lục-đầu thủy, đêm ngày làn sóng dậy :
Vạn-kiếp sơn, từ-vũ nên hương chung.
Cúi đầu đọc sử hiếu-trung ;
So trong thế-giới anh-hùng xưa nay.

Phụ thể Đường-luật

Thần - tướng trời sinh xuống thế-gian,
Đông-a sự-nghiệp kể muôn vàn.
Máu quân Ô - mã pha Đằng-thủy ;
Hình chiếc kim-âu vững thạch bàn.
Trung - hiếu một lòng, gương nhật-nguyệt,
Anh-hùng đôi chữ, nét giang-san.
Nguy-nga tòa miếu chen hương khói,
Giỏ Lạc, mây Hồng cảnh tráng quan.

Chú thích

Thánh-miếu : Miếu ở triền sông Lục - đầu, non Vạn - kiếp, nay thuộc Hải-dương, Chí-linh.

Giặc Nguyên : Tức rợ Mông-cổ, biệt hiệu là Thát-đát, ở phương bắc Á-châu. Hồi thế-kỷ 13, rợ ấy rất cường thịnh, có ảnh-hưởng lớn trong thế-giới. Vua rợ ấy tôn hiệu là Thành-Cát-Tư-Hãn, hùng-vũ vô-địch, giệt nước Hạ, nước Kim, rồi cất quân sang Đông-Âu, vào Mạc-tư-khoa, xâm lấn Ba-lan, Hung-gia-lợi, Thổ-nhĩ-kỳ mọi nước. Kế đến người cháu là Hốt Tất-Liệt giệt nhà Tống, nhập đế Trung-hoa, lập quốc hiệu là Đại-Nguyên. Hồi thế-kỷ 14, lại có người cháu nữa là Thiếp-Mộc-Nhi-Lang, lại cất quân sang xâm-lấn Tiểu-Á-tế-á và Ấn-độ. Khoảng 200 năm, nhà Nguyên oai thanh dữ mạnh, bản đồ rộng lớn, cổ kim chưa từng thấy. Đối chiếu với lịch-sử nước ta, tức là về hồi nhà Trần kiến quốc ở cõi Nam.

Thánh Nam-hải : Bậc Nam-hải di-nhân.

Đông-a : Một danh hiệu riêng kêu nhà Trần.

Ô-Mã : Tức Ô-Mã-Nhi, người Mông-cổ, tướng giặc Nguyên.

Làn sóng dậy : Sóng dơn lên và có tiếng. Văn cổ, *Tây-hồ-tụng* : « Sóng dậy y-ô ».

Từ vũ : Cũng như miếu-vũ.

Kim âu : Chiếc âu vàng, ví quốc-gia là cái vật hoàn toàn kiên cố. Trần-thi : « *Sơn hà thiên cổ điện kim âu* ». Nghĩa là non sông nghìn thủa vững âu vàng.

Thạch bàn : Là tảng đá phẳng, tức là nghĩa : « Thái-sơn bàn thạch ». Nói bình thế vững-vàng.

Phụ dẫn

Tiểu đạo trước kia khởi thảo mười hai điều Thi-gia thể-tắc, đã từng có bài Đường-luật cung đề thánh miếu, để làm căn bản cho thi thoại, hiện đã đăng ở Đông Pháp báo kỳ 16 Décembre 1941. Nay nhân gặp ngày kỷ-niệm đức Trần Hưng-Đạo, cũng xin có bài Nam - đàn cung đề thánh-miếu, để tỏ lòng sùng bái vĩ nhân. Duy hai bài ấy, một đề mục mà hai sắc tướng, hai thể-tài, chút có liên-lạc về đường tham-khảo. Vậy xin nhắc qua bài Đường-luật ngày trước, mà phụ đăng ra đây, để tiện khi thị gia tham duyệt nhàn lãm.

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

Nhắc nhở đến...

Tiếp theo trang 14

Nghĩa là : « Vác giáo tung hoành núi sông đã trải biết bao thu rồi. Chí-khí ba quân mạnh như hùm hổ muốn nuốt cả sao Ngưu. Làm trai chưa trả được nợ công danh, nghe người đời nói chuyện Vũ hầu Khổng Minh mà thẹn » !

Và còn nữa, còn nhiều nữa những danh nhân Việt-nam ngày xưa, bạn có quên được không ? Có người lập nên chiến công rực-rỡ giữa mưa đạn, rừng gươm ; cũng có người miệt mài trong chốn thư trai, làm nên những văn-nghiệp như gấm, tươi như hoa để điểm-tô non nước. Thì ngày nay ta cũng nên rằng thế nào để cho khỏi thẹn với tổ-tiên, khỏi phụ người bấu thế.

« *Đối với quá-khứ là biết ơn, đối với hậu lai là bảo trợ.* Phải rồi, chỉ cái bổn phận ấy mới làm cho tôi nhớ mãi tôi là người. Và đã là người thì không có quyền kinh sợ khổ sở trước cái Toàn-Thể (Grand Tout) đương bao - bọc và dường như chực vồ lấy tôi. Tôi phải đắm say, lăn-lóc với nó ! » Ông Lư-khê đã nói như thế, bạn hãy đọc chầm-rãi và suy nghĩ lâu lâu xem.

Chào bạn

ĐÀO-ANH-TỰ,

1) Theo như bạn Đỗ Mộng - Khương nói với tôi, thì vế đối này là của cụ Trần Tụy, bảng - nhãn khoa mậu-tuất năm Mạc Đại-chính thứ bảy, 1536. Ở làng Phương-lâu, tổng Phương-lâu, huyện Hạc-trì, Phú-thọ, có đền thờ cụ. Hai cột trụ trước đền có đôi câu đối kỷ thuật sự-nghiệp cụ :

Nhất giáp đệ nhị danh : Nam-triều khoa bảng.
Vạn lý tam thốn thiết : Bắc địa bằng sương.

HOA-BẰNG chú

Đức Trần-Hưng Đạo

Này núi, này sông, này miếu-lầu,
Những người thiên-cổ bây giờ đâu?
Mây xanh lớp-lớp rơi sương lạnh,
Kiếm ngọc đêm-đêm nhả khí sầu.
Vạn-kiếp lập-lòe tàn lửa trận,
Lục-đầu văng-vẳng khúc ca thâu.
Đâu hồn chính khí, đâu đâu mất?
Nhớ Đại-Vương xưa đuổi giặc Tầu...

HỒ-XANH

II

Tài cao, chí cả, dạ trung trinh,
Tô lại non sông nét trị-bình,
Giặc Bắc hai phen dồn đất chết,
Giời Nam muôn thuở mở đường sinh.
Sông Đằng phảng phất gương oanh liệt
Đền kiếp huy hoàng vẻ tối linh
Sử sách chép công dân chép đức
Nghìn năm hương khói nhớ uy danh.

CHU-THIÊN

Tin vắn hằng tuần

Thăng thưởng trong ngạch các quan thủ-hiến

Do sắc-lệnh ngày 8 Septembre 1942 của Quốc-trưởng Pháp:

Quan Thống sứ Bắc kỳ Pierre Delsalle được thăng Thống-sứ hạng nhất — quan Phó Toàn-Quyền Georges Gautier được thăng Thống-sứ hạng nhì — Quan khâm-sứ Trung kỳ Emile Grandjean được thăng Thống-sứ hạng nhì.

Hơn 30 năm trời, từ chức Thám-Tá hạng ba 31 Décembre 1908 qua nhiều bước Vinh thăng, quan Thống-sứ Pierre Delsalle, — một nhà chính-trị thâm-dâu đã từng thực-hành chính sách vừa khoan-hồng vừa cương quyết, — ngày nay được chính-phủ Pháp đặc biệt thăng lên chức thống sứ hạng nhất thực là một ân thưởng đích đáng mà nhân dân Việt Nam đều tỏ vẻ bân-hoan.

Quan Phó Toàn quyền Georges Gautier và quan khâm-sứ Trung kỳ Emile Grandjean là hai nhà cai trị đã tận tụ với nước Pháp và xứ Đông Dương cũng được hưởng ân điển của Quốc trưởng Pháp một cách đích đáng.

Đứng trước ba cuộc vinh thăng, Tri Tân cúng tôi xin chân trọng chúc mừng quan Thủ hiến Bắc kỳ, quan Phó toàn quyền và quan thủ hiến Trung kỳ.

Ngọn đuốc thần

là vở kịch do mấy nhà thương mại và kỹ nghệ Hà-Thành sẽ diễn tối hôm 26-9-42 ở nhà hát tây để giúp quỹ quốc gia. Quan chánh đốc lý thành phố sẽ chủ tọa buổi diễn kịch này. Vậy các bạn chớ nên bỏ qua làm việc nghĩa.

Kỳ sau sẽ chuyên-san về triều

Lê Thái-Tổ

Tụy-động, chi-lăng, hai trận đại thắng của Bình-định vương có hai bản đồ.

của Biệt-Lam Trần-huy-Bá

Chuyện đời Lê *của Trúc-Khê*

Cuộc hành-hương đền thờ Nguyễn-Trãi... *của Vô-Ngã*

Gia đình và thân-thế vua Lê Thái-Tổ *của Chu-Thiên*

Người thôn-nữ, một truyện tưởng tượng về mẫu đời bôn bá của Bình định vương *Trúc-yên-Sơn viết*

Và nhiều bài khảo-cứu rất công-phu của những cây bút mà các bạn vẫn quen biết.

Tiếp theo trang 11

tay đợi lệnh mới dám lên, tuy bấy giờ đã vào hàng công khanh. Cụ lại thường cúi xuống nâng lấy giầy, đỡ lấy gậy cho thầy như thời ở thôn thời còn cắp sách theo thầy « Có trong thầy mới đ ợc làm thầy », cụ đã theo một tấm gương sáng của tình sư-đệ ngày xưa tại Thạch-m n sơn Dương-nham đ ng.

NGUYỄN ĐAN-TÂM

1 [illegible] từ [illegible] Yên phụ giang xuống, [illegible] chi[illegible]-kai là [illegible] vòng trời đất.

Vừa giúp quốc vận cho nên Trần danh-tiếng rỡ-ràng có để trong sử sách.

2. Trong mây ở núi Yên-phụ có đền cổ miếu thờ A[illegible] sinh vương sinh ra đức thánh Trần: có tiếng linh-thiêng.

Trên đồng Đào-nguyên, con trong bọc trứng của Lạc long quân, ở đời thịnh-trị đầy vẻ xuân mới.

3. Ngài trước đã chứng ngộ cái đạo « sắc thị không không tại sắc », ngài là thuyền-sư nước Nam mà lại là phật nước Tây-chúc.

Ở chỗ núi Thạch-môn này, vị thánh-chúa ngồi trên hoa sen có tiếng là anh linh mãi mãi.

4 Bài vị Sư-Mạnh Phạm tướng-công ở làng Dương-nham, đỗ tiến-sĩ, làm hữu-tướng đời Trần.

TIẾT-THÁO CÁC ÔNG THẦY VÀ TÌNH THẦY TRÒ HỒI TRƯỚC

Tiếp theo kỳ 62

Tiên Đàm NGUYỄN TƯỜNG-PHƯỢNG

Nhắc các chuyện trên đây, chắc có ngài cho là những việc từ nhà Trần, Lê, Tây-sơn, Nguyễn-sơ đã xa quá, và cổ quá, vậy không gì bằng tôi xin phép hầu ngay các ngài câu chuyện cách đây 60, 70 năm.

Cũng trong triều Tự-Đức (1848-1883), ở Thăng-long này có hai trường học được tiếng nhất là trường cụ cử Võ-Thạch và cụ cử Kim-Cổ.

Cụ Võ Thạch tên húy là Nguyễn Huy-Đức, người làng Võ-thạch, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội, đỗ Cử-nhân thứ 11 trường Hà-nội, khoa Mậu-ngọ, vào niên-hiệu Tự-Đức thứ 11 (1858). Cụ là nhà túc nho, không chịu ra làm quan, ở nhà mở trường dạy học.

Trường cụ đã đào-tạo được nhiều danh thần buổi ấy. Nhưng bao giờ đến nhà thầy, họ cũng vẫn giữ hết lễ như học trò cụ Chu Văn-An tôi đã kể trên.

Hồi ấy, nhà nước mới lập ra nha Kinh-lược Bắc-kỳ. Quan Kinh-lược sứ muốn vì nước lục dụng những bậc túc học. Nhân cụ Võ-Thạch có hai học trò đang làm Tham-biện và Thương-tá ở nha ấy, quan Kinh-lược ủy ngay hai người học trò về mời cụ đến.

Vì học trò hết nhời nói, cụ bất đắc dĩ phải vào hầu. Thềm thì cao, cụ thì già, hai trò phải dắt, cụ cáo là có mục tật; quan Kinh lược đang ngồi trên công đường vội chạy ra thềm đón, mời vào ngồi chơi, rồi đạo đạt với cụ việc nhà nước có ý dùng cụ. Cụ nhất định xin từ chối vì già cả, lẫn lộn, e không kham nổi. Hai ba phen quan Kinh-lược nài ép, cụ cứ khăng khăng một mực xin cho ở nhà. Lúc cáo ra về, quan Kinh-lược sai lấy hai cây the, và hai nén bạc ra tặng, cụ cũng không nhận.

Nghe đâu về sau vì sợ lại bị triệu nữa, cụ phải về quê ngoại để mai danh ẩn tích.

Còn học trò cụ đối với thầy thế nào?

Một cụ nho kể cho tôi nghe rằng: Ông Đỗ Văn-Tâm (1), học trò cụ, đỗ Đồng tiến-sĩ khoa Canh-thìn (1880), hồi làm tuần-phủ tỉnh Thái-bình, một ngày, có việc phải về Hà-nội.

Người mà ông đến thăm trước nhất là ông thầy học.

Ông xuống võng từ xa, lấy áo tấc mặc, rồi tự mình bưng một cái khay đựng 1 cân chè, 5 nén bạc đến nhà thầy.

Vào đến sân, sau khi chào thầy, đặt khay trên thềm, lạy hai lạy, rồi chắp tay đứng nói:

— Bẩm thầy, con từ tỉnh về, gọi là có ít chè để thầy sơi nước và chút ít để thầy dùng.

Cụ Võ-Thạch, lúc ấy, đang ngồi chấm sách trên phản, ngửng dậy hỏi:

— Á anh Tâm đấy, anh cho thầy gì thế, chè này, lại cả bạc à! Chè thì nhiều quá, mà bạc thì thầy tiêu gì mà lấy, có phải thế, thầy lấy một bao chè thôi, anh ngồi chơi kia, thầy trò ta uống nước.

Nói xong, cụ gọi trẻ quạt nước, hiềm vì lúc ấy không có ai trên nhà học.

Ông Tâm vội đứng dậy thưa:

— Bẩm thầy, để con đi đun nước.

Rồi, cái ông đã ra làm «cha mẹ dân» ấy cũng đến chỗ hỏa lò, cho nước vào siêu cò bay, cũng ra giậu bẻ nan đóm, đun nước hầu thầy như hồi còn là anh học trò đến nghe sách, làm phận sự trước giờ học vậy.

Kể chuyện này, chắc có vị cho là cổ quá, không hợp thời, nhưng năm sáu mươi năm trước, cái tình sư đệ là như thế. Ông nhà nho kể cho tôi nghe ấy đã vuốt

Vừa xuất bản

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá: 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12. Cước đảm bảo 0p32

Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

râu mà phê-bình rằng: « Có ông thày như thế phải có học trò như thế ! «Câu ấy thật ngụ nhiều ý tứ. »

Như trên tôi đã nói, trường thứ hai ở Hà-nội là trường Kim-cổ.

Tiên-sinh húy là Ngô Văn-Dạng, hiệu Tiến-Song, sinh năm Ất-vị (1835), Minh-Mệnh thứ 16, người làng Lương-ngọc, phủ Bình-giang tỉnh Hải-dương, ngụ ở phường Kim-cổ, huyện Thọ-xương, Hà-nội (tức là phố Hàng bông), vốn là dòng dõi khoa-bảng, đỗ Cử-nhân khoa Giáp-tí (1864) năm Tự-Đức thứ 17. Nhân vì có ông anh ruột đỗ Cử-nhân làm Đồng Tri-phủ Lạng-giang mất sớm, cụ sợ một là ra làm quan không gìn-giữ được sẽ thất đức, hai là không ai trông nom công việc nhà, nên ở nhà dạy học, vả cái đạo tề-gia cũng là một trong phận-sự mà Thánh Hiền đã dạy. Cụ mất năm 1885 (Hàm-Nghi nguyên niên).

Trường Kim-cổ ở đâu ?

Ngày nay các ngài qua phố Hàng Hài, số nhà 12 là một tòa nhà đồ sộ, các ngài không thể tưởng tượng rằng cách đây mươi năm, trên nền ấy là một căn nhà cổ, ngoài có hai cửa hàng, trong là một trường học.

Cụ Cử Kim-Cổ là một nhà mô-phạm, đạo đức, nên học trò các tỉnh về học đông lắm ; mỗi khoa thi Hương, học trò cụ đỗ gần hết bảng. Gần đây trong hàng quan lại Bắc-kỳ có nhiều vị là học trò cụ Kim-Cổ.

Cụ thương học trò như con, ai nhầm lỗi điều gì là trách mắng ngay. Cụ lại còn thương cả học trò nghèo.

Một lần, trong trường có một người học khá, mà cụ lại nuôi cháu gái mồ côi. Đem con cháu gả cho học trò vẫn là sự thường của các ông thày khi trước. Song ở trường-hợp này, người học trò nghèo quá, giang-sơn chỉ có cái áo vải, cái nón sơn và một đôi dép, nhưng học hành siêng-năng lắm, mờ đất đã đến trường, sau khi quét tước, hầu thầy rồi nghe sách, Ngày nào cũng thế, dù mưa, nắng, ốm đau, không bao giờ bỏ buổi học, kỳ bài.

Cụ Kim-cổ thấy thế, yêu lắm, nhất định gả cháu gái. Nhưng cụ thì thế, còn cụ bà thì sao ?

Cụ bà can rằng :

— Cháu đã mồ-côi, lại đem gả cho học-trò nghèo thì làm thế nào? Tôi xem anh Hai ấy nghèo lắm, nhà cửa chẳng có, ngày ngày chỉ nằm làm văn ở Trấn-ba đình ngoài Ngọc-sơn, tối đến ngủ nhờ nhà các bạn. Nếu gả, như thế lấy gì nuôi nhau !

Cụ cười mà giả nhời rằng :

— Bà chỉ biết bây giờ thôi, mai sau anh ấy khá hơn ta nhiều lắm, rồi cháu bà sẽ ở ngôi mệnh-phụ đấy !

Thế là việc hôn-nhân ấn-định.

Gần đến giai kỳ, cụ cho gọi học trò đến bảo :

Thống chế Pétain đã nói :

« Hiến-pháp của nước Pháp là gì ? Nó sẽ là nền tảng, là sự thành công của một cuộc Quốc-Gia cách-mệnh hiện còn đương tiến hành ».

— Anh phải dẫn cưới cho thầy một cân chè và một nén bạc.

Nghe thấy thách cưới như thế, người học trò kia lo quá. Chiều đến thưa lại với thầy là mình nghèo lắm.

Cụ cười bảo :

— Thầy thử anh đấy thôi ! Xưa nay «giá-thú bất luận tài» ; nhưng theo tục, phải có lễ, thầy đã sắp cho anh đủ cả kia.

Nói xong, bảo vào trong nhà lấy đưa cho người học trò một cân chè gói giấy đỏ và một nén bạc. Nhưng lo được lễ, người học trò vẫn còn lúng túng chưa về. Cụ hỏi :

— Anh còn điều gì nữa ?

— Bẩm thầy, con không có chỗ ở nhất định thì dẫn cưới từ đâu ?

— À ... thì cứ đi từ đền Ngọc-sơn cũng được.

Thế là đám cưới ấy đã từ cầu Thê-húc đến Ngọc-sơn đến phố Hàng Hài, đủ đồ lễ ở trong quả sơn Một sự buồn cười là lễ của ông thầy cho học trò mượn lại do học trò mang đến nhà thầy.

Nhưng sau ngày cưới giản dị ấy, ông thầy đã cho hai vợ chồng người học trò cái vốn nhỏ để vợ buôn bán giúp chồng theo học.

Cái ơn của thầy như vậy, thì học trò không coi như cha mẹ sao được !

Vì thế, sau này, người học trò kia hiển đạt (2) đã đem con thầy bị mệt ra chỗ làm quan, trông nom thuốc hang, và khi ông con thầy ấy

Cái thú tập Kiều ra sao ? Cái cách tập Kiều thế nào ? Các bạn đọc

Kiều vận tập thành

(Sách dạy tập Kiều)

Soạn - giả : Bình - Nam Nguyễn - Đăng - Cư

Tiến sĩ, trước sung Cổ học viên viện trưởng ở Huế

Sách dày 130 trang rộng — có 2 phần : trên là bản Kiều vận tập thành dưới là bản Kim vân kiều truyện

Giá bán đặc biệt 0p35 — Cước thường 0p20

Để cho hiệu sách Đông Tây — 195 hàng Bông Hanoi

mất ở chỗ lỵ sở, lại làm ma chay chu tất.

Thưa các bà, thưa các ngài,

Những chuyện tôi vừa kể trên chỉ là một hai chuyện trong trăm nghìn chuyện các ông thầy và tình thầy trò hồi trước.

Tôi tiếc rằng không kể được hay, và không kể thêm được nữa, vì muốn nghe hết, các bà, các ngài phải ngồi vài ba đêm nữa.

Tôi xin phép kết luận rằng: người đi học khi xưa có cái quan niệm là khi học thành tài, « xuất » ra làm quan, mong đem sở học giúp nước, trị dân; mà « xử » là đi ở ẩn theo con đường giáo dục, cốt đem cái đạo mình học được truyền lại cho người sau.

Các ông thầy ấy đã lấy việc dạy-dỗ làm một phận-sự thiêng-liêng, một công việc phải làm, dù gặp trường hợp nào cũng giữ-gìn liêm-khiết, thanh-cao, để cho vẹn cái tiết tháo của mình.

Gia chi dĩ các vị ấy còn hết sức « chính tâm » và « tu thân », nên phẩm-hạnh nhiều vị đã đến bậc hoàn-toàn, đáng làm gương cho học trò, hậu tiến bắt chước.

Mấy năm trước, khi làm tập « *Phong tục Việt-Nam* », ông Cử Bưu-Văn Phan Kế-Bính, trong mục « thầy trò của cựu học », đã phê-bình rằng:

Kia như các bậc đáng mặt mô-phạm, có công dạy-dỗ, có ân-đức giáo-hóa nhuần thấm đến người thì người ta không nên quên ơn đã đành. Còn như mấy ông đồ quèn, học hành chưa hiểu vỡ mạch sách, văn chương chưa thuộc đủ lề lối, mà đã đi về các vùng quê, tìm nơi thiết trường, gõ đầu răm ba đứa, nửa mường nửa mán, để hồ khẩu cho qua đời. Vậy mà cũng dám lên mặt đạo mạo, động một tí thì bỏ cho đồng-môn nào khi nhà thầy có giỗ, nào khi thầy có việc mừng vui, nào khi thầy lấy vợ, nào khi thầy lên lão làng cũng lôi đồng-môn ra mà bắt cảnh vác, ấy lại là một cái mọt của thiên-hạ ». (Bổ quốc-sử. Việt-Nam Phong-Tục. Đông-Dương Tạp-Chí, trang 1900).

Nhời phê-bình tuy nghiêm-khắc nhưng làm cho những ai có cái nhiệm vụ đào-tạo hậu tiến phải ngẫm-nghĩ, lo sao cho xứng đáng là thầy.

HẾT

Tiên Đàm
NGUYỄN TƯỜNG-PHƯỢNG

1, Ông Đỗ-văn-Tâm hiệu là Gia-Xuyên người làng Đại-gia, phủ Thường-tín, đỗ Đồng Tiến-sĩ, làm quan đến Hiệp-biện đại học-sĩ, tác giả bộ *Đại-Nam điển-lễ toát-yếu*.

2, Ông này sau đỗ cử-nhân khoa Tân-mão (1891) làm đến An-sát-sứ

Nhà xuất bản
ĐỒNG NAI
Sắp phát hành

In đẹp — Giá 0p75
Tác phẩm ra mắt của
KHỔNG - DƯƠNG

Cứu lấy Thanh niên!

Một chương trình cải tạo và gây dựng thanh niên Việt Nam cần phải thực hành ngay từ bây giờ

Không đại lý nào được độc quyền trong một địa hạt nào cả, trừ ra nếu có thư thương lượng những điều kiện riêng.

Thư từ và tiền bạc để cho:

Ô. Trương-văn-Hai

248 — La Grand ère — 248

Giây nói: 20453 SAIGON Hộp thư: 220

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p
Loại sách đẹp giấy lụa đó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »
Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân
Mandat gửi về: Nhà in Tân-Dân
93, Phố Hàng Bông Hanoi

Cách xếp-đặt chữ nho trong TỰ-ĐIỂN

Số 3

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Lệ thứ nhì : nét phẩy. — Có hai ca nét phẩy phải tính riêng một liên-hoạch ;

1· Khi nào viết riêng một cách rõ ràng : như chữ' *sam* 彡 chữ' *pháp* và nhữ'ng chữ' bộ *sắc* 彑.

2· Khi nào nét phẩy viết trên hình chữ' *thập* 十 (une croix), hai đầu nét ngang chữ thập không được dính dáng đến nét khác. Thí dụ chữ *thiên* 下 chữ *trừng* 重 chữ *hòa* 禾, mỗi chữ tính hai liên hoạch.

Ngoài ra phải coi như liền với nét dưới. Thí dụ chữ' *vũ* 禹 chữ' *yểu* 夭 chữ' *bạch* 白 tính một liên hoạch.

Lệ thứ ba : nét mác. — Nét mác cuối cùng nếu đi theo sau nét phẩy, phải tính riêng một liên-hoạch. Thí dụ :

chữ' *thủy* 水 tính ba liên hoạch
chữ' *cấn* 艮 tính hai liên hoạch
chữ *thỉ* 豕 tính hai liên hoạch

Lệ thứ tư : Hình vuông. — Hình vuông nào bốn bề không hở quadrilatère fermé, nếu không có liên hoạch kép khác ở ngoài xiên qua, phải tính riêng ra làm một liên hoạch. Thí-dụ: chữ *cổ* 古 phải tính hai liên hoạch, chữ *triều* 朝 phải tính bốn liên hoạch vì chữ thập trên là một liên hoạch kép mà nét sổ không xiên qua chữ *khẩu*, chữ *viết* ở dưới. Chữ *xa* 車 tính một liên hoạch vì có nét sổ xiên qua chữ *viết*. Chữ *tự* 自 chữ *bạch* 白 tính một liên hoạch, vì nét phẩy đầu không phải là liên hoạch kép không theo lệ thứ tư được, phải theo lệ thứ nhì nói về nét phẩy xem đoạn trên.

Lệ thứ năm : Trùng điệp. — Chữ nào do một chữ khác lắp lại ba lần phải tính làm ba liên-hoạch, dù chữ lắp lại không phải viết thành nhiều mảng cũng thế Thí-dụ chữ *phẩm* 品 ba chữ *khẩu* 口 bai iên-hoạch, chữ *thô* ba chữ *lộc* 麤 ba liên-hoạch, chữ *tiên* ba chữ ngư tính ba liên-hoạch...

Khi nào một chữ lắp lại bốn lần, cũng theo phép trùng-điệp mà tính liên-hoạch.

Theo số liên-hoạch, ta có thể chia hán-tự ra chín loại :

· Loại thứ nhất: một liên hoạch, như chữ 一 丨 口 中 申 車.

Loại thứ nhì : hai liên hoạch như chữ 二 明 古 乏

Loại thứ ba : ba liên hoạch như chữ 三 仁 佑 .

... cho đến loại thứ chín, gồm cả những chữ từ chín liên hoạch trở lên : như chữ ngư 魚 chữ *lư* 驢.

d) *Bộ thủ phân loại (classification en 214 bộ)*

Cách xếp đặt hán tự trong tự-điển Khang - hi, một phần lớn theo phép tượng hình phân-loại:

Có chấm *thủy* bên tả, xếp với nhau.

Có chữ *môn* xếp với nhau.

Có *quai-sược* xếp với nhau.

Rành rành là theo hình dáng cả. Nếu chữ nào cũng xếp theo hình dáng như thế, có lẽ cũng đỡ phiền phức cho người mới học, vì nhữ'ng chỗ khó tra, phần nhiều là tại Khang-hi vừa theo hình-dáng vừa theo căn nguyên. Thí-dụ :

Cùng có chấm *thủy* mà chữ' *tửu* 酒 xếp vào bộ *dậu* chữ' *giang* 江 xếp vào bộ *thủy* 氵 chữ' *hồng* 鴻 xếp vào bộ *điểu* 鳥

Cùng có chữ *môn*, mà chữ' *văn* 聞 xếp vào bộ *nhĩ* 耳 chữ' *vấn* 問 xếp vào bộ *khẩu* 口 cnữ' *khai* 開 xếp vào bộ *môn* 門

Cùng có *quai - sược* mà chữ' *tuần* 巡 xếp vào bộ *xuyên* 川 chữ' *tiêm* 遷 xếp vào bộ *nhật* 日 chữ' *đạo* 道 xếp vào bộ *sước* 辶

Nhữ'ng chỗ tiện lợi và khuyết-điểm của Khang-hi tự-điển, trong đoạn « căn nguyên phân - loại », sẽ bàn thêm.

e, Tứ giác phân-loại, Système des quatre coins

Cách này theo bốn góc chữ khác nhau mà phân - loại, do Vương-vân-Ngũ, chủ nhà in Commercial Press of Shangai, phát-minh năm 1928 Xem đoạn « Hiệu mã phân-loại ».

f) Phân loại theo tự-mô phân-bộ (classification d'après les subdivision du carré calligraphique)

Chỉnh-số, nombre entier, và hán-tự có chỗ tương-tự không ngờ. Thí-dụ : số 7, số 9, số 11, toán-pháp gọi là nombres premiers entre eux nghĩa là ngoài số một ra, không có số nào đem ba số 7, 9, và 11 chia ra cho đúng được. Còn số 70, 90 và 110, thì không những chia với một được, chia với hai với năm với mười đều được cả. Số mười là số công-ước lớn nhất của ba số 70, 90 và 110 (10 est le plus grand commun diviseur des nombres 70, 90 et 110). Nếu ta lấy ba số này chia cho 10, ta lại thấy ba số 7, 9 và 11 là số premiers entre eux Hán-tự cũng có chỗ tương-tự như thế. Thí-dụ ba chữ khẩu 口 nhĩ 耳 tâm 心. Khuôn chữ đề nguyên một ô, không chia ra làm hai ba mảng. Còn chữ, thì trừ nét ra, không thể phân tách ra nhiều phần giống nhau được :

Còn nữa

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 18 của CHU-THIÊN

THẾ là kẻ bất-nhân ! Sau khi kẻ đồng-tử này đã giết người rồi, toan ra thú ngay, ngặt vì cha mẹ phòng giữ không cho đi nữa. Nay thấy các nơi đều vì cái án ấy mà phải chịu nhiều sự phiền nhiễu, trong lòng không nỡ nên phải lẩn trốn cha mẹ ra nhận tội để cho dân sự yên ổn làm ăn.

Trần-Long trong bụng nghĩ thầm :

— Đứa trẻ này thực là kỳ-dị, xưa nay chưa từng thấy bao giờ, ăn nói ra dáng anh-hùng, thực khiến cho ta phải kính-phục.

Nghĩ vậy, quan Đề-đốc lại hỏi :

— Nhưng vì sao mi lại phạm tội giết người ?

— Bẩm thưa thượng-quan, hôm ấy, kẻ đồng-tử này phi ngựa qua khu rừng ấy, nghe có tiếng kêu, lại gần xem thì ra một người cưỡi ngựa đương chực hiếp bắt một thiếu phụ, đồng-tử này liền dương cung bắn luôn hai phát, trúng cả người lẫn ngựa, rồi phi ngựa đi thẳng, không cho thiếu phụ kia biết mà tạ ơn. Nhưng sau đồng-tử này nghĩ, nếu giết người rồi bỏ đấy trốn đi, tất dân cư ở đấy phải tội lây mất, đồng tử này liền quay lại viết mấy chữ để làm dấu cho các quan tra xét, rồi định bụng sẽ ra thú nhận ngay. Nhưng về nhà thuật lại cho cha mẹ biết, cha mẹ liền giữ dịt đồng-tử này ở nhà, không cho đi đâu nữa, nên mãi đến hôm nay mới trốn đi được vào trình thượng-quan.

Trần-Long thầm khen chí-khí đứa trẻ, liền hỏi nữa :

— Ừ, ta biết vậy. Nhưng mi phải khai rõ tên mi là gì ? Bao nhiêu tuổi ? Cha mẹ là ai ? Quê quán ở đâu ? Cứ thực nói ra ta xem nào.

Đứa trẻ liền nói :

— Bẩm lạy thượng-quan muốn rõ, dám xin thượng-quan cho mượn giấy bút, để đồng tử này được làm tờ cung-trạng dâng lên.

Trần Đề-đốc thấy vậy, trong lòng lại càng lấy làm lạ, một đứa bé bằng ấy mà giỏi võ lại thông văn thì thật trên đời hiếm có. Chàng liền truyền sai quân-sĩ lấy văn-phòng tứ bảo đưa ra cho đồng-tử.

Đứa trẻ liền quỳ xuống để tờ giấy vào đùi mà viết ; trong chốc lát đã thảo xong, dâng lên trước án. Trông tay đứa trẻ viết múa-mang, nhẹ-nhàng nhanh thoăn-thoắt trong lòng đã xét bao thán phục, Trần Đề-đốc thấy đệ tờ trình lên, liền vội-vàng đỡ lấy và khen :

— Đồng-tử giỏi nhỉ ! Học từ bao giờ thế ?

— Dạ !...

Nhưng Trần-Long đã đưa mắt xuống đọc tờ cung Nhời cung rằng :

« Tôi nay họ Phan, vốn nhà phiệt-duyệt, tên là Tái-Tạo, còn độ ngây-thơ, chín tuổi vào ra sân thi-lễ, một thân giong-ruổi chốn lâm-toàn. Tiêu-sơn là nơi thác tích, Lưu-đạo là xóm đi về. Cha là Công-Độ, da mồi tóc bạc, gập-ghềnh bể hoạn đã bao niên ; mẹ là Lương-Thoa, núi đỏ rừng xanh, săn bắn nghề nhà từ những thủa...

« Kẻ giặc dân kia giữa đường phạm-pháp làm càn, trái mắt xui người nên nghĩa phẫn ; đứa tiểu-tử này trong lòng bất bình ghét ác, ra tay trừ hại cứu người oan. Biết tội đã nhiều, cam lòng thụ pháp ».

Trần-Long xem xong, hết sức kinh-ngạc, lại chừng-chừng nhìn đứa trẻ, khiến bắn phải cúi mặt xuống Chàng sực nhớ đến Phan công mà bấy lâu nay đã mất bao công tìm kiếm. Phải chàng đứa đồng-tử này là con của Phan-công. Chàng liên-miên nghĩ vậy, đã toan hỏi, nhưng còn nghi-hoặc, để đợi bàn với Phan phu-nhân và Liên-Tường đã, nên chàng liền đứng lên lại gần nắm lấy tay đứa trẻ mà nói rằng :

— Công tử thật là bậc thiên-tài, khiến cho bản-quan phải sinh lòng kính phục ! Công-tử ạ ! Công-tử đã ra thú-nhận, thực là đáng khen, nhưng hôm nay chưa tiện xét đoán. Vậy bản quan muốn mời công-tử vào ở tại trong hậu-đường, chờ bản-quan đoán xử sẽ hay.

Phan Tái Tạo nói :

— Đa tạ thượng quan có lòng nhân hậu như vậy. Nhưng kẻ đồng-tử này là đứa ác phạm, hiện nay án-tình chưa xét, mà thượng-quan rộng ơn cho vào hậu-đường, tại mắt thiên hạ tránh sao cho khỏi sự nghi-ngờ, điều đó kẻ tiểu-đồng này không dám tuân mệnh.

Trần Đề-đốc càng thêm kính phục, liền nói :

— Công tử nói rất phải. Vậy bản quan cho giam công-tử xuống nhà giam để đợi ngày xét xử nhé. Hay là công-tử muốn thế nào ?

— Bẩm lạy thượng quan, thượng quan truyền thế nào, kẻ đồng-tử này cũng xin chịu. Nhược bằng, thượng-quan tin ở lòng ngay thẳng của đồng-tử không khi nào trốn tội, thượng-quan cho kẻ đồng-tử này được về Lưu-đạo cho cha mẹ đồng-tử khỏi sốt ruột mong chờ, bao giờ có lệnh gọi, đồng-tử này lại xin đến hầu thì thật vạn phúc cho đồng-tử này vậy.

— Được, thế bản quan cho phép công-tử tạm lui, ngày mai phải có mặt sớm tại đây nhé.

— Bẩm vâng, ơn của thượng-quan, đồng-tử này xin ghi lòng tạc dạ.

Đợi cho đứa trẻ ra rồi, Trần-Long xem xét công-văn và giao phó mọi công việc rồi, cầm tờ cung của đứa trẻ vào hậu đường đưa cho Liên-Tường xem và nói :

— Nhạc-phụ có lẽ còn sống, may ra vì việc này mà ta tìm thấy, phu-nhân ạ.

Phan phu-nhân nghe nói cũng vội chạy lại.

— Sao, sao, hiền-tế rồi sao ?

Trần-Long cung kính đáp :

— Thưa nhạc-mẫu, có một đứa trẻ đến nhận giết Tham - quan mà khai tên bố để hợp với tên nhạc-phụ con.

— Đâu ? tờ cung đâu ?

Liên-Tường đương xem qua vội nói :

— Dạ đây ạ ! Thưa mẹ để con đọc.

Liên-Tường đọc xong liền nói :

— Thưa mẹ, đứa bé này là bậc thiên tài đấy. Nhưng không chắc có phải là con cha con không ? Cha con già rồi. Mà số lại hiếm đường tử tức, làm gì có con. Vả giá có còn sống ra nữa, thì một ông lão lưu lạc, ai lấy mà có con.

Phan phu-nhân suy nghĩ rồi có vẻ buồn nói :

— Đứa bé này lên chín tuổi, mà ông Phan nhà ta lưu-lạc đã hơn chín năm, ngót mười năm rồi. Kể nạp-thiếp thì cũng có con bằng từng ấy rồi. Biết đâu giời cha tựa người ngay, mà run rủi cho nên như vậy. Các con thử hỏi lại đứa trẻ xem.

Trần-Long vội nói :

— Thưa nhạc-mẫu, con lại vừa cho nó tạm về xong, sáng mai nó lại đến hầu.

Liên-Tường vội kêu lên :

— Ơ ! nó là phạm nhân, phu-quân không giam, lại cho nó về. Nhỡ nó trốn đi không đến nữa thì sao.

Trần-Long lại thuật lại mọi cử-chỉ, mọi nhời nói của Phan Tất-Tạo cho Phan Phu-nhân và Liên - Tường nghe, rồi kết luận :

— Một kẻ kỳ dị anh hùng như thế khi nào sai lời mà bỏ trốn. Nếu nó trốn, nó đã không ra thú nhận. Mình bắt giam nó chẳng hóa ra hẹp hòi hơn nó ư ?

Cả nhà đều đành lòng chờ đợi đến ngày mai xem hư thực thế nào

Sáng sớm hôm sau, Trần-Long ra công đường đã thấy Phan Tái-Tạo quỳ lạy ở dưới thềm, bèn chạy lại dắt vào cho ngồi, rồi đuổi hết các người hầu hạ ra ngoài mà nói rằng

— Công-tử ạ ! Cứ như lời trong cung-trạng của công-tử đã tỏ bày ra đó, ai hay lại là lòng trời xui khiến cho bản quan một việc đáng nên mừng. Vậy bản-quan muốn hỏi mấy lời tâm phúc. Công - tử nên thực lòng mà nói cho bản-quan hay.

Phan Tất-Tạo cung-kính đáp :

— Trăm lạy thượng-quan, thượng quan đã có lệnh hỏi, tiểu-đồng xin biết sao cứ thực thà khai vậy.

Trần-Long cười và hỏi :

— Tôn-nghiêm húy là Công-Độ, phải không ? Chẳng hay năm nay ngài bao nhiêu tuổi ? Thôn Lưu-đạo chính là quê-quán ngài hay sao ?

Phan Tái-Tạo nói :

— Bẩm thượng-quan, gia-nghiêm chính thực là Phan-Công-Độ, năm nay sáu mươi tám tuổi, khi trước làm Lễ-bộ Thượng-thư triều Lê, sau bị nạn được tha, lên ở Lưu-đạo, đã được hơn mười năm.

— Tôn-từ năm nay bao nhiêu tuổi ?

— Bẩm thượng-quan, gia - mẫu năm nay 43 tuổi.

— Tôn-từ kém tuổi tôn nghiêm nhiều vậy, chắc là sau này mới lấy nhau ?

— Bẩm vâng, gia-mẫu nguyên là thứ phòng, vì gia-nghiêm lên ở Lưu đạo này mới làm bạn với gia - mẫu mà sinh ra tiểu-đồng này. Chứ cứ như lời gia-nghiêm thường nói thì gia đích mẫu không rõ lưu-lạc nơi nào. Đã nhiều lần thăm dò tìm kiếm mà không thấy. Gia-nghiêm đêm ngày vẫn lấy làm buồn.

— Công tử được mấy anh em chị em ?

— Bẩm thượng quan, hiện nay chỉ có một mình tiểu-đồng này thôi Thường nghe gia-nghiêm nói gia đích mẫu sinh được tiện-tỉ gọi là Liên-Tường bị nạn than lửa thiệt mạng mất rồi, tiểu-đồng dẫu không biết, nhưng nhớ đến cũng động lòng xót thương !

Nói xong, Phan Tất-Tạo cúi mặt xuống có vẻ nhớ thương !

Lúc ấy Liên-Tường cùng Phan phu nhân đứng nép sau bình phong trông ra nhìn kỹ rõ mặt tiểu-đồng, thì thực giống Phan-công và nghe những lời nói, thì chắc là con em mình rồi, đều cùng cảm-động, mừng thương mà ràn rụa nước mắt.

Trần-Long biết đích xác là em mình rồi, mừng quá, ngồi ngẩn ra giây lâu rồi mới lại hỏi :

— Công-tử có muốn gặp tôn đích mẫu và lệnh-tỉ không ?

Tái-Tạo đáp :

— Thưa thượng-quan, gia đích - mẫu cũng mong có ngày gặp, chứ gia-tỉ chết rồi còn gặp được sao ?

Lúc ấy Phan phu-nhân và Liên-tường nóng ruột không nén nổi nỗi mừng đều chạy lại, kẻ ôm, người nắm tay Tái-Tạo mà mà khóc

— Con ơi ! Ta là đích mẫu con đây !

— Em ơi, chị còn sống đây kia mà !

Tái-Tạo thấy vậy sợ quá, không hiểu gì cả, hoảng hốt ngã lăn ra, tưởng chừng như hai người kia đã chết cả rồi, nay đều hiện về chực bắt chàng đi.

Trần Đề-đốc vội ôm bế Tái - Tạo lên lòng vuốt mái tóc và dịu dàng nói :

— Công-tử đừng sợ !

Rồi đem hết sự tình kể cho Tái Tạo nghe

Tái-Tạo vừa nghe vừa thỉnh-thoảng đưa mặt nhìn trộm Phan phu-nhân và Liên-Tường. Trần-Long nói hết, Tái-Tạo liền mừng rỡ bội phần, quay lại trước mặt Phan phu-nhân sụp xuống lạy mà rằng :

—Trăm lạy đích mẫu, đứa con bất hiếu này thật là tội ác muôn vàn. Đích mẫu ở gần đây mà không biết đến bái yết.

Phan phu-nhân liền đỡ Tái - Tạo dậy mà âu yếm bảo !

— Mẹ già rồi, thấy con nên người như thế này là mẹ mừng. Và nhờ con, mẹ lại được gặp cha con...

Tai-Tạo quay lại lạy Liên-Tường và nói :

— Thưa hiền - tỉ, đứa nghịch đệ này có chị mà không biết, nghĩ lại thêm lỗi đau lòng !

Còn nữa

CHU-THIÊN

GIỚI THIỆU

I. Tú Mỡ của Lê-Thanh. — Nhà xuất-bản Cộng-lực vừa cho ra cuốn sách nhỏ phê-bình văn-nhân thi-nhân Việt-nam hiện đại : đó là cuốn *Tú Mỡ của Lê Thanh*.

Trong làng báo ta, ông Lê-Thanh không phải là một cây viết lạ. Cuốn sách của ông chắc sẽ được phái trí-thức để ý vì trong đó ông đã theo phương-pháp phê-bình mà thử phân tích tâm-hồn và cái cười của Tú Mỡ, một thi-sĩ trào phúng trong tờ báo Phong Hóa và Ngày Nay thủa nọ.

Ai đã từng đọc những vần thơ dí dỏm mà không kém bề sâu sắc của Tú Mỡ tưởng cũng nên đọc cuốn sách phê-bình của ông Lê Thanh.

Mặc dầu cuốn sách đó hơi mỏng nhưng tác-giả đã dụng công nhặt tài-liệu và nghiên-cứu về Tú Mỡ một cách vô tư.

Phần đầu cuốn sách tác-giả nói về thân-thế của Tú Mỡ, rồi lần lượt nói tới văn-chương và tư-tưởng mà phân biệt thơ khôi-hài và thơ trào-phúng. Sau rốt tác-giả nói tới cái cười của Tú Mỡ nó đã làm cho thi-sĩ ấy có một địa vị trong văn giới Việt-nam hiện tại.

Địa vị ấy thế nào ? Tác-giả viết :

« *Ta sẽ không thể bỏ qua được Tú Mỡ. Không những thế, ngay bây giờ trong cái hội Tao Đàn Việt-Nam, bên những bực tiền bối, Tú Mỡ có thể chiếm được một chỗ ngồi mà không bẽn-lẽn, và đó là một danh dự rất xứng đáng với cái văn nghiệp của ông* ».

Nói tóm lại, cuốn Tú Mỡ của ông Lê Thanh đáng được mọi người đem đọc và suy nghĩ.

Chúng tôi vui lòng giới-thiệu với các bạn đọc cuốn sách đó và mong ông cứ tiến hành công việc thu nhặt tài-liệu để sau này chúng ta sẽ cống hiến cho những ai muốn viết bộ Việt Nam văn học sử hiện-đại.

PHẠM MẠNH-PHAN

.·.

II. Chợ chiều của Trúc Khê. — Đó là một cuốn thơ mà nhà xuất-bản Lê Cường vừa cho đem bán ở các hiệu sách.

Đã lâu lắm, trên văn đàn mới lại có một cuốn thơ ra đời. Các thi-sĩ nhường như thấy thời-tiết oi-ả, đã muốn lánh mặt mà dần dỗi với Nàng Thơ,

Trái lại, ông Trúc Khê, bằng những vần điệu nhẹ nhàng mà lưu-loát, đã làm bạn với Nàng Thơ một cách thành-thực và thân-tín. Nói tới ông, người ta chỉ tưởng ông là một nhà học giả đứng đắn ; nhưng người ta quên lãng rằng ông còn là một thi-sĩ. Trong những giờ nhàn rỗi ông đã từng ngâm vịch để khêu gợi những cảm-tưởng vì đâu mà có.

Những bài thơ của thi-sĩ Trúc-Khê không có nhuốm mầu cô-đơn, mặc dầu ông là một nhà nho đã từng thấy hàn học có quang-cảnh một buổi «chợ chiều».

Cuốn thơ của ông Trúc-Khê được trình bầy một cách mỹ-thuật và nhã-nhặn. Xin thành thực giới thiệu với các độc giả và các bạn làng văn.

MẠNH-PHAN

III. — Một ngày của Tolstoi *của* **Kiều Thanh - Quế** — Trong tủ sách « Gió tây » của nhà xuất bản Tân Việt mới có một cuốn sách lạ : *Một ngày của Tolstoi* của ông Kiều Thanh Quế, tác giả cuốn *Phê-bình văn-học*.

Đó là một cuốn sách mỏng gồm ngót trăm trang nói về nhà văn hào Nga Léon Tolstoi (1828-1910), một tâm hồn bí hiểm giàu lòng bác-ái đối với những người nghèo khổ.

Ở chương «Mở đầu », tác - giả phác qua cái sự-nghiệp văn-chương của Tolstoi, một sự-nghiệp đã được hầu hết dịch ra các thứ tiếng ngoại quốc.

Rồi lần lượt tác-giả tả tới cái chân dung quê-mùa chất phác với đôi mắt có thiên tài của nhà văn ấy cùng những hành vi tư tưởng trong đời kỳ dị của văn nhân. Tolstoi là người thế nào, mà tư-tưởng quảng - đại bác ái luôn luôn xung đột với gia-đình để về sau phải sống một cuộc đời đau khổ, phải hắt hơi thở cuối cùng trên toa xe lửa xa vắng họ hàng thân-thích ?

Ngày thường, Tolstoi đã xếp-đặt đời mình ra sao và vì lẽ gì tối nào trước khi đi ngủ Tolstoi cũng viết vào trang nhật ký ba chữ bí hiểm : *N. T. S.* (nếu tôi sống) ?

Đọc cuốn *Một ngày của Tolstoi* của ông Kiều Thanh-Quế, độc-giả sẽ rõ.

Chẳng những cuốn sách đó đã phân tích tâm hồn Tolstoi một cách rành-mạch sáng-sủa, mà đến cách hành văn ông Kiều Thanh-Quế đã tỏ ra mình có một ngòi bút chắc-chắn và hay-buồm.

Hai tỉ-dụ sau đây chứng cho lời nói đó :

Trang 29 : « *Khi đến giáp giới cánh rừng, ông chỉ Tolstoi dừng ngựa lại, lặng ngắm cái phút thiêng liêng của mặt trời lên, phút hồi sinh muôn vật của ánh triều dương chói rạng. Trên muôn lá thắm, những mũi tên gấm sáng nạm vô vàn hạt ngọc kim cương.*

« *Con tuấn mã chậm rãi phi nước kiệu...* »

Trang 43 : « *Tolstoi kéo dài mãi cuộc đời trong gia đình, ngày này sang ngày khác, kiên tâm yên lặng trong những phần nộ âm thầm nhìn vào tận đáy lòng mà so đo, suy xét, hoài ghi, ghi chép... Cuộc đời ông là một tù-ngục bí-mật núp sau những cái tráng-lệ huy-hoàng* ».

Ở phần phụ-lục tác giả có dịch một bài của Stéfan Zweig nói về lối « Tự truyện » (autobiographie) mà nước ta chưa có.

Chúng tôi xin giới thiệu với các bạn cuốn sách đáng đọc ấy của ông Quế.

MẠNH-PHAN

IV. Nam kỳ tuần-báo vừa ra sỉ một ngày 3 Septembre 1912, là một tờ tạp chí chú-trọng về việc bồi đắp nền trí-dục, đức-dục và thể-dục cho quốc-dân.

Tạp-chí do ông Hồ văn-Trung đứng tổng-lý, nhà in Thanh niên ấn hành, khổ to, in đẹp, giá 0,20 một số.

Tri Tân xin hoan nghênh bạn đồng-nghiệp, giới thiệu cùng độc giả và chúc bạn đồng nghiệp đạt được mục-đích.

QUỐC-HỌC THƯ'-XÃ

mới phát hành

THI-THOẠI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các nhà nghiên-cứu thi-học, văn-học. Dầy ngót 300 trang, giá 2p.00, gần hết

LƯỢC-KHẢO VỀ

MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

của Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ

Kiến-trúc-sư tại bộ Công Nam-triều, đã được các báo Annam Nouveau, Patrie Annamite, Trang-Bắc, Việt-Báo, Tràng-An ngợi khen. Giấy Bouffant và giấy lệnh còn 20 bộ, 3p.50; *giấy thường giá* 1p.50

ĐẠO-SỐNG

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH CÁC CHỦ-NGHĨA ĐẠO-LÝ TRIẾT-HỌC ĐÔNG-TÂY

Tựa của cụ Thượng PHẠM-QUÝ

MỤC-LỤC SÁCH « ĐẠO SỐNG »

I Khoái-lạc chu-nghĩa: *Aristippe, Epicure, Bantham, Stuart Mill, Dương-Chu*
II Cảm-tình chủ-nghĩa: *Adam Smith, Jésus Christ, Thích-Ca, Fichte, Tolstoi, Schopenhauer, Auguste Comte, Durkheim*
III Lý-trí chủ-nghĩa: *Epitecte, Marc Aurèle, Zénon, Jou, roy, Mặc-Tử, Lão-tử, Trang-Tử, Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Tuân-Tử.*
IV Hình-thực chủ-nghĩa: *Kant*

Bản giấy thường giá: 2p.00 Bản giấy registre và lệnh chỉ (còn 30 bộ) 4p.00
Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm 100p.
Mua một cuốn xin gửi tiền trước thêm 0p.40 *cước, không bán lãnh hóa giao ngân*

ĐANG IN SẮP XONG

HỌC-THUYẾT MẶC-TỬ'

MỘT HỌC THUYẾT XƯA ĐƯỢC SUY TÔN NGANG HÀNG VỚI ĐẠO-HỌC NHÀ NHO

Giấy thường giá	1p.50	
Giấy lệnh chỉ (có chữ ký tác giả)	3.00	*(còn 3 bộ)*
Giấy Bouffant (có chữ ký tác giả)	4.00	*(còn 4 bộ)*
Giấy Vergé baroque crème (có chữ ký tác giả)	7.00	*(còn 2 bộ)*

Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm 100p.

Thư từ và ngân phiếu đề tên ông LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ *16 bis, rue Tien-Tsin* — **Hanoi**

Directeur: Nguyễn Tường Phượng Administrateur Gérant: Dương Tự-Quan
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi